BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2020

(Kèm theo thông báo số 1461 /TB-ĐHYDCT ngày 5 tháng 10 năm 2020)

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
		Y KHOA										
1	58002705	HỨA LÂM THIÊN HUY	Nam	06/06/2002	01	2	Huyện Duyên Hải, Trà Vinh	9	8.75	9.75	2.25	29.75
2	59001022	CHÂU QUỐC TÀI	Nam	09/12/2002	01	1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	9.4	8.75	8.75	2.75	29.65
3	59000137	VÕ QUỐC KHANG	Nam	19/09/2002		1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	9.8	9.25	9.75	0.75	29.55
4	55004583	TRẦN BÌNH AN KHANG	Nam	28/01/2000	01	1	Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	9.2	9	8.5	2.75	29.45
5	64001814	ĐỖ THÀNH PHÁT	Nam	21/04/2002		1	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	9.2	10	9.5	0.75	29.45
6	55004561	LÊ THU HUYỀN	Nữ	21/07/2000		1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9.2	9.25	10	0.75	29.2
7	55010547	TRẦN NGỌC LUYẾN	Nữ	22/12/2001		1	Huyện Đông Hải, Bạc Liêu	9.2	9.75	9.5	0.75	29.2
8	50008423	ĐỖ THỊ MỸ DUNG	Nữ	31/08/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	9.4	9.5	9.75	0.5	29.15
9	64005754	VÕ TRƯƠNG ANH THƯ	Nữ	12/01/2002	06	1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	9.4	9	9	1.75	29.15
10	61007098	NGUYỄN THOẠI VI	Nữ	28/08/2002		2NT	Huyện Cái Nước, Cà Mau	9.6	9.5	9.5	0.5	29.1
11	50003328	NHAN THỊ HUỲNH HƯƠNG	Nữ	22/10/2002		2NT	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	9.8	9.25	9.5	0.5	29.05
12	54004173	LÊ THỊ ĐOAN TRANG	Nữ	08/03/2002		1	Thành phố Sầm Sơn, Thanh Hoá	9.8	9.25	9	0.75	28.8
13	59008016	DIỆP THANH THOẠI	Nam	29/10/2002	01	1	Huyện Châu Thành, Sóc Trăng	8.8	8	9.25	2.75	28.8
14	52003754	HỒ SỸ SANG	Nam	22/08/1988	03	2NT	Thành phố Bà Rịa, Bà Rịa	9	9.5	7.75	2.5	28.75
15	61000351	HUỲNH VĂN QUY	Nam	28/04/2002		1	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	10	8.25	9.75	0.75	28.75
16	55010569	TRẦN THANH NGHIÊM	Nam	26/11/2001		2NT	Huyện An Minh, Kiên Giang	9.2	9	10	0.5	28.7
17	59000347	VÕ LÊ ANH THƯ	Nữ	08/08/2002		1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	9.2	9.5	9.25	0.75	28.7
18	55002365	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	06/01/2002		2	Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ	9.4	9.25	9.75	0.25	28.65
19	57008924	TỪ NGỌC HOA	Nữ	14/08/2002	06	2NT	Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long	9.4	8.75	9	1.5	28.65
20	61003252	ĐOÀN HOÀNG DỰ	Nam	04/10/2002		2	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9.4	9.75	9.25	0.25	28.65
21	50008972	TRẦN CHÍ VŨ	Nam	11/12/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	9.6	9.5	9	0.5	28.6
22	55006443	TRƯƠNG THẢO VY	Nữ	07/10/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.6	9.25	9.75	0	28.6
23	55010652	TRƯƠNG CHÍ TRUNG	Nam	03/12/2001		2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	9.6	9.25	9.25	0.5	28.6
24	59000752	HUỲNH KHA LÊ	Nam	12/11/2002	01	1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	9.6	8.25	8	2.75	28.6
25	55010594	TRIỆU LỢI PHÁT	Nam	18/02/2002	06	3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.8	9.5	9.25	1	28.55
26	64005513	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	20/11/2002		1	Huyện Long Mỹ, Hậu Giang	9.8	8.75	9.25	0.75	28.55
27	54003085	LÂM THỊ TRÚC LINH	Nữ	06/06/2002	01	1	Huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang	9.2	8.75	7.75	2.75	28.45
28	59000884	LÊ HUỲNH XUÂN NHI	Nữ	18/02/2002	01	1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	8.2	8	9.5	2.75	28.45
29	61003365	NGUYỄN NGỌC ĐIỆP	Nữ	03/10/1996		1	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	9.2	9.5	9	0.75	28.45
30	64005655	LÊ THIÊN NHIÊN	Nam	10/08/2002		1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	9.2	9.25	9.25	0.75	28.45
31	55000242	PHẠM NGỌC MẪN	Nam	25/04/2002		2	Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ	9.4	9.25	9.5	0.25	28.4

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
32	55010451	HOÀNG PHƯƠNG ANH	Nữ	11/03/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	10	9	0	28.4
33	57008927	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	25/03/2002		2NT	Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long	9.4	9	9.5	0.5	28.4
34	59000138	HỨA ĐỨC KHANH	Nam	30/10/2002	01	1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	9.4	8.5	7.75	2.75	28.4
35	64002679	NGÔ HOÀNG PHÚC	Nam	13/06/2002		1	Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	9.4	9.25	9	0.75	28.4
36	55006352	TRƯƠNG TRẦN THỤC TRÂN	Nữ	17/06/2002	06	3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.6	9.5	8.25	1	28.35
37	59001756	GIANG THỊ THANH THẢO	Nữ	09/06/2001	01	1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	8.8	8.75	8	2.75	28.3
38	51012938	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	31/08/2002		2NT	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	9	9	9.75	0.5	28.25
39	54011569	HỒ PHƯƠNG DINH	Nam	26/07/2002		1	Huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang	9	9.5	9	0.75	28.25
40	55002723	TRẦN GIA KHẢI	Nam	17/09/2002		2	Huyện Thới Lai, Cần Thơ	9	9.75	9.25	0.25	28.25
41	54005077	LÊ PHÁT ĐẠT	Nam	24/06/2002		1	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	9.2	9.25	9	0.75	28.2
42	55008461	LÊ MINH ĐẠT	Nam	07/03/2000		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	9.2	9.25	9.5	0.25	28.2
43	58004247	DIỆP QUỐC TRÃI	Nam	04/06/2002		1	Huyện Cầu Ngang, Trà Vinh	9.2	9	9.25	0.75	28.2
44	59002973	PHẠM THÁI ANH	Nam	27/02/2002		1	Thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	9.2	9	9.25	0.75	28.2
45	61006069	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	02/09/2002		1	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	9.2	8.75	9.5	0.75	28.2
46	50002796	ĐẶNG QUANG VINH	Nam	20/09/2002		2NT	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	9.4	8.75	9.5	0.5	28.15
47	54010476	PHẠM THIỆN TÂM	Nam	16/12/2002		2NT	Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	9.4	9.5	8.75	0.5	28.15
48	55008558	GIANG MỸ LINH	Nữ	25/02/1996	01	1	Huyện Châu Thành, Kiên Giang	8.4	8.5	8.5	2.75	28.15
49	55009360	TRẦN NGỌC TRÂM ANH	Nữ	28/12/2002		3	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	9.4	9.75	9	0	28.15
50	55010511	NGUYỄN THỊ NGỌC HƠN	Nữ	13/01/2001		2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	9.4	9	9.25	0.5	28.15
51	49010790	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	Nam	07/02/2002		2NT	Huyện Cần Đước, Long An	9.6	9.25	8.75	0.5	28.1
52	51001342	LÊ THÀNH THOẠI	Nam	08/11/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	9.6	8.75	9.5	0.25	28.1
53	55006168	NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG	Nữ	03/08/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.6	9.25	9.25	0	28.1
54	59000168	NGUYỄN THỤY KHÁNH LOAN	Nữ	21/06/2002		1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	9.6	9	8.75	0.75	28.1
55	59001598	DANH HOÀNH NẾT	Nam	16/07/2000	01	1	Huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	8.6	8.75	8	2.75	28.1
56	58001504	NGUYỄN TẤN HẬU	Nam	16/02/2002		1	Huyện Càng Long, Trà Vinh	8.8	8.75	9.75	0.75	28.05
57	58002252	THẠCH THỊ KIỀU NGOAN	Nữ	21/09/2002	01	1	Huyện Châu Thành, Trà Vinh	8.8	8.5	8	2.75	28.05
58	55002897	CAO THỊ KIM PHỤNG	Nữ	02/02/2002		2	Huyện Thới Lai, Cần Thơ	9	10	8.75	0.25	28
59	55009652	LÊ HÀ TRUNG	Nam	23/04/2002		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	9	9.5	9.5	0	28
60	61003130	NGUYỄN HOÀNG DŨ	Nam	00/00/1989	07	1	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	9	8.25	9	1.75	28
61	64000210	NGUYỄN HOÀNG MINH BÁ	Nam	17/05/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	9	9	9.5	0.5	28
62	02028831	PHẠM THỊ KIM MAI	Nữ	23/08/2002		3	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	9.2	9	9.75	0	27.95
63	54004794	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	Nam	19/10/2002		1	Huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	9.2	9.25	8.75	0.75	27.95
64	55009588	THÁI NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	17/07/2002		3	Quận Cái Răng, Cần Thơ	9.2	9.75	9	0	27.95
65	55010506	NGUYỄN HUỲNH HÒA	Nam	02/02/2001		2NT	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	9.2	8.75	9.5	0.5	27.95
66	55010535	NGUYỄN ANH KIỆT	Nam	29/11/2000		2NT	Huyện Long Hồ, Vĩnh Long	9.2	9.5	8.75	0.5	27.95
67	58005800	THẠCH THỊ THÀNH	Nữ	01/01/2002	01	1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	9.2	8.25	7.75	2.75	27.95
68	64002515	LÊ KHẢI ĐIỀN	Nam	26/03/2002		2NT	Huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang	9.2	9	9.25	0.5	27.95

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
69	48016470	NGUYỄN HOÀNG KIỀU OANH	Nữ	11/11/2002		1	Huyện Tân Phú, Đồng Nai	9.4	9.25	8.5	0.75	27.9
70	54006550	TRẦN ĐỨC TRỌNG	Nam	28/10/2002	01	1	Huyện Gò Quao, Kiên Giang	8.4	7.75	9	2.75	27.9
71	55000992	NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN	Nữ	12/09/2002		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	9.4	9.75	8.75	0	27.9
72	55010457	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	Nữ	30/08/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	9	9.5	0	27.9
73	64005514	TRẦN TRỌNG HUY	Nam	03/05/2002		1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	9.4	9	8.75	0.75	27.9
74	55001038	NGUYỄN TUYẾT MINH	Nữ	04/07/2002		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	9.6	9	9.25	0	27.85
75	55003647	NGÔ ANH TUẤN	Nam	25/04/2002		3	Huyện Thới Lai, Cần Thơ	9.6	9.5	8.75	0	27.85
76	55004977	VÕ THÀNH TRUNG	Nam	26/11/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	9.6	9.25	9	0	27.85
77	59000853	LÂM NHƯ NGỌC	Nữ	07/10/2002	01	1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	8.6	7.5	9	2.75	27.85
78	60003208	KHẤU MINH HƯNG	Nam	21/06/2001		1	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	9.6	9	8.5	0.75	27.85
79	64005766	TRẦN QUANG TOÀN	Nam	25/06/2002		1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	9.6	8.5	9	0.75	27.85
80	50003877	TRẦN YẾN NHI	Nữ	27/02/2001		2NT	Huyện Châu Thành, Đồng Tháp	8.8	9.5	9	0.5	27.8
81	51003550	NGUYỄN HƯỚNG DƯƠNG	Nữ	09/11/2002	06	2NT	Huyện Thoại Sơn, An Giang	9.8	7.75	8.75	1.5	27.8
82	58001774	LÊ HUY TÂM	Nam	14/06/2002	01	1	Thành phố Trà Vinh, Trà Vinh	7.8	9.25	8	2.75	27.8
83	59000315	DIỆP DƯƠNG TÂM THẢO	Nữ	26/08/2002	01	1	Huyện Trần Đề, Sóc Trăng	8.8	8.75	7.5	2.75	27.8
84	50006241	NGUYỄN TẤN PHÚC	Nam	01/01/2002		2	Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	9	9.5	9	0.25	27.75
85	51005706	ĐOÀN HOÀNG NGUYÊN	Nam	01/03/2002		2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	9	9	9.25	0.5	27.75
86	51005952	TRẦN THỊ THÚY AN	Nữ	08/06/2002		2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	9	8.75	9.5	0.5	27.75
87	51009386	LÊ NGUYỄN KIM HIỀN	Nữ	11/10/2002		2NT	Huyện An Phú, An Giang	9	9	9.25	0.5	27.75
88	53000104	ĐỖ THỊ MỸ HẠNH	Nữ	19/03/2002		2NT	Huyện Cái Bè, Tiền Giang	9	9	9.25	0.5	27.75
89	53011867	TRỊNH VY VY	Nữ	21/08/2002		2NT	Huyện Gò Công Tây, Tiền Giang	9	9	9.25	0.5	27.75
90	55004459	LÊ THÀNH ĐẠT	Nam	14/10/2001		1	Thành phố Trà Vinh, Trà Vinh	9	8.75	9.25	0.75	27.75
91	55008136	PHẠM HỒNG DUNG	Nữ	25/10/2001		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	9	9.25	9	0.5	27.75
92	55008347	TRẦN MINH THƯ	Nữ	04/09/2002	01	1	Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	9	7.75	8.25	2.75	27.75
93	55008708	THÁI NGỌC THẢO	Nữ	30/06/2001		1	Huyện Tri Tôn, An Giang	9	9.5	8.5	0.75	27.75
94	57001887	TRƯƠNG KHẢ TRÂN	Nữ	09/04/2002		2	Thành phố Vĩnh Long, Vĩnh Long	9	10	8.5	0.25	27.75
95	61001205	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	15/10/2002		2	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9	9.5	9	0.25	27.75
96	64000992	NGÔ DUY HOÀNG	Nam	23/06/2002		1	Huyện Châu Thành A, Hậu Giang	9	9	9	0.75	27.75
97	49000811	NGUYỄN THỊ THẢO HIỀN	Nữ	20/09/2002		2	Thị xã Kiến Tường, Long An	9.2	9.5	8.75	0.25	27.7
98	54011517	TÔ THỊ THÚY ANH	Nữ	26/11/2002		1	Huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang	9.2	8.5	9.25	0.75	27.7
99	55010447	NGUYỄN THÚY AN	Nữ	25/09/2001		2	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	9.2	9.5	8.75	0.25	27.7
100	55010504	PHẠM MINH HIẾU	Nam	20/08/2001		1	Huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	9.2	8.5	9.25	0.75	27.7
101	55010522	LÝ GIA HƯNG	Nam	31/10/2002	06	3	Quận Cái Răng, Cần Thơ	9.2	8.75	8.75	1	27.7
102	56002155	NGUYỄN HỮU TÍN	Nam	08/05/2002		1	Huyện Châu Thành, Bến Tre	9.2	8.75	9	0.75	27.7
103	56008231	ĐẶNG NGUYỄN TÚ NGUYỆT	Nữ	13/03/2002		2NT	Huyện Ba Tri, Bến Tre	9.2	8.75	9.25	0.5	27.7
104	57001880	TRỊNH PHƯƠNG TRÂM	Nữ	16/02/2002		2	Huyện Long Hồ, Vĩnh Long	9.2	9.25	9	0.25	27.7
105	58002750	TRƯƠNG THỊ KIM KHUÊ	Nữ	12/10/2002		2	Huyện Cầu Kè, Trà Vinh	9.2	8.5	9.75	0.25	27.7

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
106	58003084	NGUYỄN HOÀNG MINH UYÊN	Nữ	04/04/2002	01	2	Huyện Tiểu Cần, Trà Vinh	8.2	8.75	8.5	2.25	27.7
107	60001338	BẠCH MAI TRÀ MY	Nữ	20/11/2002		2	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	9.2	9	9.25	0.25	27.7
108	60002833	NGUYỄN PHI KHÁNH	Nam	07/08/2002		2	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	9.2	9	9.25	0.25	27.7
109	60005032	THỊ TUYẾT CHÂN	Nữ	20/09/2002	01	1	Huyện Long Mỹ, Hậu Giang	9.2	7.75	8	2.75	27.7
110	61007038	NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM	Nữ	22/07/2002		2NT	Huyện Cái Nước, Cà Mau	9.2	9	9	0.5	27.7
111	64005819	NGÔ KHẢ YÊN	Nữ	08/10/2002	01	1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	9.2	8	7.75	2.75	27.7
112	43009156	HUỲNH VĂN ĐỨC	Nam	02/01/2001		2NT	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	9.4	9	8.75	0.5	27.65
113	50002391	TRƯƠNG THỊ KIM HƯƠNG	Nữ	08/10/2002		2NT	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	9.4	8.5	9.25	0.5	27.65
114	52003844	ĐƯỜNG HỚN TOÀN	Nam	04/01/2002	06	2	Thành phố Bà Rịa, Bà Rịa	9.4	8.5	8.5	1.25	27.65
115	53008949	NGUYỄN HOÀNG ANH TUẤN	Nam	26/09/1999		2	Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	9.4	9.25	8.75	0.25	27.65
116	55010653	TRƯƠNG LÊ TRUNG	Nam	02/12/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	9.75	8.5	0	27.65
117	59000173	HỒ TẤN LỘC	Nam	28/05/2002		1	Huyện Trần Đề, Sóc Trăng	9.4	8.5	9	0.75	27.65
118	61008048	NGUYỄN HUỲNH LAN VY	Nữ	15/09/2002		1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9.4	9	8.5	0.75	27.65
119	64005474	HỨA NGỌC ÁNH ĐĂNG	Nữ	05/03/2002		1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	9.4	9	8.5	0.75	27.65
120	51001460	TRẦN XUÂN UYÊN	Nữ	21/04/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	9.6	9.5	8.25	0.25	27.6
121	51006955	LÊ HUỲNH PHƯƠNG THẢO	Nữ	07/06/2002	06	2	Huyện An Phú, An Giang	8.6	9.25	8.5	1.25	27.6
122	51011163	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	29/08/2002		2	Thị xã Tân Châu, An Giang	9.6	9	8.75	0.25	27.6
123	53009940	LÊ PHÚC TRƯỜNG TÂN	Nam	04/11/2002		2NT	Huyện Chợ Gạo, Tiền Giang	8.6	8.75	9.75	0.5	27.6
124	55008385	NGÔ QUỐC TUẤN	Nam	13/05/2001		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	9.6	8.5	9	0.5	27.6
125	58002523	THẠCH MINH TRƯỜNG	Nam	20/08/2002	01	1	Huyện Châu Thành, Trà Vinh	8.6	8.25	8	2.75	27.6
126	61006639	CHẾ KHANH	Nam	08/12/2002	06	2NT	Huyện Cái Nước, Cà Mau	8.6	9.25	8.25	1.5	27.6
127	02065664	NGÔ TẤN LỘC	Nam	18/04/2000		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	8.8	9.25	9	0.5	27.55
128	50011330	NGUYỄN HUỲNH QUỐC HUY	Nam	25/12/2002		2	Huyện Hồng Ngự, Đồng Tháp	8.8	9.25	9.25	0.25	27.55
129	51009513	LÊ ĐỨC KHÔI NGUYÊN	Nam	20/09/2002		2NT	Huyện An Phú, An Giang	9.8	8.5	8.75	0.5	27.55
130	55007202	SA LẾS	Nam	25/03/1996	01	1	Huyện An Phú, An Giang	8.8	8.25	7.75	2.75	27.55
131	55008252	DƯƠNG TRUNG NGUYÊN	Nam	27/03/2001		2	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	8.8	9	9.5	0.25	27.55
132	55008398	TRẦN LÊ HÙNG VĨ	Nam	17/02/1995	07	2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	8.8	9	8.25	1.5	27.55
133	55010467	LÊ CHƯƠNG	Nam	25/07/2001		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	9.8	8.5	9.25	0	27.55
134	55010534	LÂM TRUNG KIÊN	Nam	07/03/2001		2NT	Huyện Phước Long, Bạc Liêu	8.8	9	9.25	0.5	27.55
135	58002070	THẠCH THỊ HOÀNG HÂN	Nữ	17/01/2002	01	1	Huyện Tiểu Cần, Trà Vinh	8.8	8	8	2.75	27.55
136	59000512	HÀ ANH DUY	Nam	11/12/2002	01	1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	8.8	8.5	7.5	2.75	27.55
137	50008819	HUỲNH YẾN THANH	Nữ	25/04/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	9	9.25	8.75	0.5	27.5
138	53001956	TRẦN HỮU TÀI	Nam	14/08/2002		2NT	Huyện Cái Bè, Tiền Giang	9	8.75	9.25	0.5	27.5
139	53006026	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	30/03/2002		2NT	Huyện Tân Phước, Tiền Giang	9	9	9	0.5	27.5
140	55002179	NGUYỄN LÂM THUẬN	Nam	28/10/2002		2	Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ	9	9.5	8.75	0.25	27.5
141	55008621	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	Nữ	11/04/2001		2NT	Huyện Thoại Sơn, An Giang	9	8.5	9.5	0.5	27.5
142	56008955	NGUYỄN HOÀNG DUY	Nam	24/04/2002		2NT	Huyện Ba Tri, Bến Tre	9	9.5	8.5	0.5	27.5

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
143	56009820	TRẦN NGỌC ĐĂNG HUỲNH	Nữ	30/05/2002		2	Huyện Châu Thành, Bến Tre	9	9.75	8.5	0.25	27.5
144	58002712	NGUYỄN TRẦN HUY	Nam	22/01/2002		2	Thành phố Trà Vinh, Trà Vinh	9	9.25	9	0.25	27.5
145	59001750	MÃ NGỌC THANH	Nữ	23/10/2000	01	1	Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	9	7.5	8.25	2.75	27.5
146	61006973	TRẦN TAM THOẠI	Nam	19/05/2002		2NT	Huyện Năm Căn, Cà Mau	9	9.25	8.75	0.5	27.5
147	61007397	HUỲNH TẤN KIỆT	Nam	11/06/2002		1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9	8.5	9.25	0.75	27.5
148	02040554	NGUYỄN TÚ THẢO DUYÊN	Nữ	09/01/2002		2	Huyện Hàm Tân, Bình Thuận	9.2	9.25	8.75	0.25	27.45
149	02041651	NGUYỄN HỬU PHÚ	Nam	02/10/2002		3	Huyện Đức Linh, Bình Thuận	9.2	8.75	9.5	0	27.45
150	02042168	PHẠM MINH NGỌC	Nữ	22/12/2002		2	Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận	9.2	9.25	8.75	0.25	27.45
151	36000482	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	25/10/2002		1	Thành phố Kon Tum, Kon Tum	9.2	9	8.5	0.75	27.45
152	42012274	NGUYỄN TẤN TÀI	Nam	10/01/2002		1	Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng	9.2	9	8.5	0.75	27.45
153	44003083	NGUYỄN TRẦN HOÀNG PHÚC	Nữ	27/09/2002		2NT	Huyện Dầu Tiếng, Bình Dương	9.2	9.5	8.25	0.5	27.45
154	48010892	CHÂU THỊ NHỰT LINH	Nữ	20/07/2002		2	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	9.2	8.5	9.5	0.25	27.45
155	50004189	LÊ ĐỖ TƯỜNG VY	Nữ	26/01/2002		2	Thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp	9.2	9	9	0.25	27.45
156	50005912	CHÂU NGỌC MINH ANH	Nữ	21/09/2002		2	Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	9.2	9.5	8.5	0.25	27.45
157	50006298	HỒ PHƯƠNG THẢO	Nữ	10/01/2002		2	Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	9.2	8.75	9.25	0.25	27.45
158	50008942	LÊ ANH TUẤN	Nam	29/09/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	9.2	8.5	9.25	0.5	27.45
159	50009574	BÙI THỊ ĐOAN TRINH	Nữ	04/08/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	9.2	8.75	9	0.5	27.45
160	51006904	NGUYỄN THÀNH SANG	Nam	24/11/2002		2	Thành phố Châu Đốc, An Giang	9.2	9.25	8.75	0.25	27.45
161	51010242	TÔN TRẦN MINH HOÀNG	Nam	12/09/2002		2	Thị xã Tân Châu, An Giang	9.2	8.75	9.25	0.25	27.45
162	53005493	NGUYỄN NGỌC KIỀU	Nữ	18/02/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Tiền Giang	9.2	8.75	9	0.5	27.45
163	53008909	DƯƠNG MINH TRÍ	Nam	26/09/2002		2	Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	9.2	8.75	9.25	0.25	27.45
164	53010129	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	Nam	08/01/2002		2NT	Huyện Chợ Gạo, Tiền Giang	9.2	8.5	9.25	0.5	27.45
165	55004406	ĐÀM NGỌC BÍCH	Nữ	20/06/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	9.2	9.5	8.75	0	27.45
166	55004426	NGUYỄN THỊ CẨM DIỄN	Nữ	26/06/2001		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	9.2	8.5	9.25	0.5	27.45
167	55004683	HUỲNH THỊ THẢO NGÂN	Nữ	29/01/2001		2	Thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp	9.2	9	9	0.25	27.45
168	55006257	LƯƠNG THANH THẢO	Nữ	08/04/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.2	9.75	8.5	0	27.45
169	55007136	LƯƠNG MINH HOÀNG	Nam	19/03/1999		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.2	9	9.25	0	27.45
170	55008203	ĐOÀN NGUYÊN KHOA	Nam	11/04/2001		2	Thị xã Long Mỹ, Hậu Giang	9.2	9	9	0.25	27.45
171	55010472	LÝ THỊ THÙY DUNG	Nữ	15/09/2001		2	Thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu	9.2	8.75	9.25	0.25	27.45
172	57001729	TRẦN LẬP PHÚC	Nam	17/04/2002		2	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	9.2	9.5	8.5	0.25	27.45
173	60001205	LÊ ĐÔNG HẢI	Nam	29/04/2002		2	Huyện Đông Hải, Bạc Liêu	9.2	9	9	0.25	27.45
174	60004093	NGUYỄN KIỀU MY	Nữ	17/08/2002		1	Huyện Đông Hải, Bạc Liêu	9.2	9	8.5	0.75	27.45
175	61000932	HUỲNH NGỌC MINH	Nữ	24/12/2002		2	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	9.2	9	9	0.25	27.45
176	37003818	PHAN THỊ ANH THƯ	Nữ	25/07/2002		2NT	Huyện Tuy Phước, Bình Định	9.4	8.75	8.75	0.5	27.4
177	39008471	NGUYỄN VĨNH HOÀNG	Nam	27/11/2002		2	Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên	8.4	9.5	9.25	0.25	27.4
178	41003346	TRƯƠNG TẤN KIỆT	Nam	20/06/2002		2NT	Huyện Diên Khánh, Khánh Hoà	9.4	9	8.5	0.5	27.4
179	42012696	TẠ THỊ HIỀN	Nữ	18/04/2001		1	Huyện Đạ Tẻh, Lâm Đồng	8.4	8.5	9.75	0.75	27.4

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
180	45001477	ĐÀNG VI TÍNH	Nam	21/10/2001	01	1	Huyện Ninh Phước, Ninh Thuận	9.4	7.75	7.5	2.75	27.4
181	45005113	BÙI MINH THƯ	Nữ	19/03/2002		2NT	Huyện Ninh Sơn, Ninh Thuận	9.4	8.25	9.25	0.5	27.4
182	47006591	NGUYỄN TRƯỜNG KHANG	Nam	15/08/2002		2	Huyện Hàm Tân, Bình Thuận	9.4	9.25	8.5	0.25	27.4
183	49007400	NGUYỄN PHAN ANH TÙNG	Nam	18/09/2001		2NT	Huyện Cần Giuộc, Long An	9.4	8.75	8.75	0.5	27.4
184	50002402	LÊ HỮU KHANG	Nam	30/11/2002		2NT	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	9.4	8.5	9	0.5	27.4
185	51012840	NGUYỄN DƯƠNG ÁNH TUYẾT	Nữ	08/10/2002		2NT	Huyện Phú Tân, An Giang	9.4	9.25	8.25	0.5	27.4
186	52009208	CAO VĂN TUYÊN	Nam	04/05/2002		1	Huyện Cẩm Mỹ, Đồng Nai	9.4	9.25	8	0.75	27.4
187	53006034	PHAN TIẾN ĐẠT	Nam	09/11/2002		2NT	Huyện Chợ Gạo, Tiền Giang	9.4	8.75	8.75	0.5	27.4
188	53010175	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	19/05/2002		2NT	Huyện Chợ Gạo, Tiền Giang	8.4	8.5	10	0.5	27.4
189	54012146	NGUYỄN THÀNH TUẤN	Nam	05/06/2001		1	Huyện U Minh Thượng, Kiên Giang	8.4	9	9.25	0.75	27.4
190	55004956	ĐẶNG NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	06/06/2001		2NT	Huyện Phú Tân, An Giang	9.4	9.5	8	0.5	27.4
191	55005830	TRẦN NHẬT HÀO	Nam	29/07/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	9.25	8.75	0	27.4
192	55007219	TRẦN TRÚC LY	Nữ	08/03/2001		1	Huyện Đông Hải, Bạc Liêu	9.4	8.5	8.75	0.75	27.4
193	55008162	ĐẶNG THỊ HẰNG	Nữ	08/11/1999		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	9.25	8.75	0	27.4
194	55008240	PHAN THÚY NGÂN	Nữ	19/04/2000		2NT	Huyện Phước Long, Bạc Liêu	9.4	9	8.5	0.5	27.4
195	55008363	LA NGỌC TRÂM	Nữ	05/03/1997		1	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	9.4	8.5	8.75	0.75	27.4
196	55010627	LÊ KỲ THỊNH	Nam	15/05/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	9.25	8.75	0	27.4
197	61003735	TRẦN HẢI ĐĂNG	Nam	24/08/2002		2	Huyện Cái Nước, Cà Mau	8.4	9	9.75	0.25	27.4
198	02028635	LÊ QUỐC TUẤN	Nam	01/05/2002		3	Thành phố Dĩ An, Bình Dương	9.6	9	8.75	0	27.35
199	47008394	NGUYỄN HỒNG TRIẾT	Nam	12/03/2002		1	Huyện Đức Linh, Bình Thuận	8.6	8.75	9.25	0.75	27.35
200	50005306	TRẦN TẠ MỸ TIÊN	Nữ	10/10/2002		2	Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	9.6	8.5	9	0.25	27.35
201	51000950	NGUYỄN ĐỖ KHÁNH HUYỀN	Nữ	23/10/2002		2	Huyện Chợ Mới, An Giang	9.6	8.75	8.75	0.25	27.35
202	51014534	VÕ THANH TÍNH	Nam	24/04/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.6	9	9.25	0.5	27.35
203	53007706	DƯƠNG THÁI VINH	Nam	02/03/2002		2	Huyện Cai Lậy, Tiền Giang	9.6	8	9.5	0.25	27.35
204	54003400	HỒ HUYỀN LINH	Nam	22/08/2002		1	Huyện Gò Quao, Kiên Giang	9.6	8.25	8.75	0.75	27.35
205	55008241	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	03/08/2002		1	Huyện Cù Lao Dung, Sóc Trăng	9.6	8.25	8.75	0.75	27.35
206	55010568	NGUYỄN QUỐC NGHIỆM	Nam	02/01/2000		2	Huyện Châu Thành, Đồng Tháp	8.6	9.25	9.25	0.25	27.35
207	56000086	PHẠM THỊ TRÀ GIANG	Nữ	01/08/2002		2NT	Huyện Bình Đại, Bến Tre	9.6	9	8.25	0.5	27.35
208	56010014	TRẦN THỊ THÙY TRANG	Nữ	03/08/2002		2	Huyện Bình Đại, Bến Tre	9.6	9	8.5	0.25	27.35
209	58000550	NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM	Nữ	24/10/2002		2NT	Huyện Cầu Kè, Trà Vinh	9.6	8.5	8.75	0.5	27.35
210	58005836	KIM NGUYỄN MINH TIẾN	Nam	16/07/2002	01	1	Huyện Duyên Hải, Trà Vinh	8.6	8.75	7.25	2.75	27.35
211	59000110	TRẦN MỸ HỒNG	Nữ	28/11/2002	01	1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	8.6	8.25	7.75	2.75	27.35
212	59001405	TRẦN MINH ĐIỀN	Nam	11/06/2002	01	1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	8.6	8.25	7.75	2.75	27.35
213	59003052	QUÁCH THẾ DUY	Nam	11/03/2002	01	1	Thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	8.6	7.75	8.25	2.75	27.35
214	59003922	PHẠM DUY TIẾN	Nam	05/12/2002		1	Huyện Kế Sách, Sóc Trăng	9.6	8.5	8.5	0.75	27.35
215	61000748	HUỲNH THỊ YẾN LINH	Nữ	10/01/2002		2	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	9.6	9	8.5	0.25	27.35
216	61001447	LÊ THỊ THIỀU	Nữ	10/02/2002		1	Huyện Cái Nước, Cà Mau	9.6	9.25	7.75	0.75	27.35

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
217	43001077	ĐẶNG LÊ THANH HẰNG	Nữ	19/11/2002		1	Thành phố Đồng Xoài, Bình Phước	8.8	8.75	9	0.75	27.3
218	46007344	NGUYỄN HẠNH NGUYÊN	Nữ	28/09/2002		2NT	Huyện Gò Dầu, Tây Ninh	8.8	8.75	9.25	0.5	27.3
219	47001585	NGUYỄN ANH DUY	Nam	16/11/2002	01	1	Huyện Bắc Bình, Bình Thuận	8.8	8.25	7.5	2.75	27.3
220	50008436	NGUYỄN QUỐC DUY	Nam	29/07/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	8.8	8.75	9.25	0.5	27.3
221	50009423	TRẦN LÝ HÙNG	Nam	07/05/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	8.8	9.25	8.75	0.5	27.3
222	50010456	LÊ PHẠM THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	27/04/2002		2NT	Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	8.8	9.25	8.75	0.5	27.3
223	51010945	PHẠM MINH TRIẾT	Nam	17/07/2001		2NT	Huyện Phú Tân, An Giang	8.8	8.75	9.25	0.5	27.3
224	52010085	TRẦN THANH HOÀNG LINH	Nam	11/11/2002		2NT	Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa	9.8	8.25	8.75	0.5	27.3
225	53008759	LÊ NGUYỄN HỒNG PHÚ	Nam	03/06/2002		2	Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	8.8	8.75	9.5	0.25	27.3
226	54002332	TRẦN KHÁNH AN	Nữ	24/12/2002		2	Huyện Châu Thành, Kiên Giang	8.8	8.75	9.5	0.25	27.3
227	54005397	NGUYỄN MINH THÀNH	Nam	02/10/2002		2NT	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	8.8	8.75	9.25	0.5	27.3
228	56008384	NGUYỄN LÊ NGỌC TRÂM	Nữ	23/04/2002		1	Huyện Ba Tri, Bến Tre	8.8	9	8.75	0.75	27.3
229	56009756	LÊ PHÚC DIỄN	Nam	04/11/2002		2	Huyện Ba Tri, Bến Tre	8.8	9.5	8.75	0.25	27.3
230	56009791	PHẠM AN HÀO	Nam	25/12/2002		2	Huyện Mỏ Cày Nam, Bến Tre	8.8	9.25	9	0.25	27.3
231	59000938	HUỲNH NHƯ PHONG	Nam	24/11/2002	01	1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	7.8	8.5	8.25	2.75	27.3
232	59006808	NGUYỄN THIÊN HOA	Nữ	19/09/2002		1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	9.8	8	8.75	0.75	27.3
233	61001992	HUỲNH HỒNG PHẤN	Nữ	11/08/2002		2	Huyện Cái Nước, Cà Mau	8.8	8.75	9.5	0.25	27.3
234	02069591	HỒ THANH NHÂN	Nam	19/10/2001		2NT	Huyện Cần Giuộc, Long An	9	9	8.75	0.5	27.25
235	04009283	HUỲNH VĂN NUÔI	Nam	26/05/1995		2	Thành phố Quy Nhơn, Bình Định	9	9	9	0.25	27.25
236	40007544	HUỲNH MINH VIỆT	Nam	27/01/2002		1	Huyện Krông Buk, Đắk Lắk	9	8.5	9	0.75	27.25
237	41007557	TRẦN TRỨC NHƯ	Nữ	15/09/2002		2	Thành phố Nha Trang, Khánh Hoà	9	9	9	0.25	27.25
238	43002167	PHAN THỊ LOAN	Nữ	01/11/1999		1	Thị xã Phước Long, Bình Phước	9	8.5	9	0.75	27.25
239	43002810	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	Nữ	02/09/2002		1	Thị xã Phước Long, Bình Phước	9	9	8.5	0.75	27.25
240	46002803	VŨ THU HIỀN	Nữ	05/05/2001		2NT	Huyện Tân Châu, Tây Ninh	9	8.75	9	0.5	27.25
241	46006496	NGUYỄN TRUNG THUẬT	Nam	25/04/2002		2NT	Huyện Bến Cầu, Tây Ninh	9	8.75	9	0.5	27.25
242	47001894	ĐẶNG ANH QUỐC	Nam	05/03/2002	01	1	Huyện Bắc Bình, Bình Thuận	9	8.25	7.25	2.75	27.25
243	48025599	PHẠM VĂN TUẤN	Nam	22/04/2002		2	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	9	9	9	0.25	27.25
244	50010365	NGUYỄN THỊ HUỲNH ANH	Nữ	26/01/2002		2NT	Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	9	9	8.75	0.5	27.25
245	51008378	NGUYỄN THI SỶ	Nam	23/05/2002		1	Huyện Tịnh Biên, An Giang	9	8.75	8.75	0.75	27.25
246	54001512	ĐẶNG THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	20/10/2002		1	Huyện Phú Quốc, Kiên Giang	9	9.5	8	0.75	27.25
247	54002453	ĐÀO MINH ĐỨC	Nam	01/02/2002		2	Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	9	9.25	8.75	0.25	27.25
248	55004826	NGUYỄN THỊ QUYÊN	Nữ	03/03/2001		2NT	Huyện Châu Thành, Tiền Giang	9	8.5	9.25	0.5	27.25
249	55008275	NGUYỄN HOÀNG OANH	Nữ	19/05/2001		2NT	Huyện Thới Bình, Cà Mau	9	9	8.75	0.5	27.25
250	55008315	NGUYỄN VĂN TẶNG	Nam	29/09/2001		1	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	9	8.75	8.75	0.75	27.25
251	55010660	TRẦN THANH VÂN	Nữ	27/01/2001		1	Huyện Càng Long, Trà Vinh	9	8.75	8.75	0.75	27.25
252	56008071	HUỲNH THỊ THÚY AN	Nữ	21/05/2002		2NT	Huyện Ba Tri, Bến Tre	9	9.25	8.5	0.5	27.25
253	58002953	LÂM NGHĨA TẤN	Nam	02/04/2002		2	Huyện Cầu Kè, Trà Vinh	9	9.75	8.25	0.25	27.25

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
254	58005723	KIM THỊ THẢO NGUYÊN	Nữ	22/08/2002	01	1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	9	8.25	7.25	2.75	27.25
255	59007217	TRẦN THỊ NGỌC TRÂN	Nữ	24/06/2002		1	Thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	9	8.5	9	0.75	27.25
256	60000183	PHƯƠNG HUỲNH TRÚC MAI	Nữ	07/08/2002		2	Thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu	9	9.25	8.75	0.25	27.25
257	60001364	TRẦN NGỌC NGÂN	Nữ	13/09/2001		1	Huyện Hòa Bình, Bạc Liêu	9	8.5	9	0.75	27.25
258	60002991	LÊ THIÊN THẢO	Nam	19/04/2002		1	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	9	8.5	9	0.75	27.25
259	61003125	DƯƠNG NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	15/10/2002		1	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	9	8.5	9	0.75	27.25
260	61009383	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	Nữ	28/12/2002		1	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	9	9	8.5	0.75	27.25
261	63006149	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nữ	02/06/2002		1	Huyện Tuy Đức, Đăk Nông	9	8.75	8.75	0.75	27.25
262	38013163	TRỊNH THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	19/11/2002		1	Huyện Phú Thiện, Gia Lai	9.2	8.5	8.75	0.75	27.2
263	44000922	TRẦN THỊ MỸ NGA	Nữ	10/12/2002		2	Thành phố Thuận An, Bình Dương	9.2	9.25	8.5	0.25	27.2
264	48007581	NGUYỄN VÕ HOÀNG	Nam	03/04/2001		2	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	9.2	8.5	9.25	0.25	27.2
265	49004478	LÊ BÌNH PHƯƠNG VY	Nữ	30/05/2002		2	Huyện Bến Lức, Long An	9.2	9.5	8.25	0.25	27.2
266	50005028	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	26/05/2002		2	Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	9.2	8	9.75	0.25	27.2
267	50008466	NGUYỄN PHÚ ĐỨC	Nam	07/01/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	9.2	8.5	9	0.5	27.2
268	51000775	LÊ THANH AN	Nam	10/05/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	9.2	9	8.75	0.25	27.2
269	51001013	VÕ TRUNG KIÊN	Nam	10/12/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	9.2	8.75	9	0.25	27.2
270	53012246	VÕ BẢO CHÂU	Nữ	21/02/2002		2	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	9.2	8.5	9.25	0.25	27.2
271	54000359	NGÔ BẢO QUYÊN	Nữ	11/10/2002		1	Huyện An Biên, Kiên Giang	9.2	8.75	8.5	0.75	27.2
272	55001113	NGUYỄN HOÀNG NHI	Nữ	10/01/2002		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	9.2	8.75	9.25	0	27.2
273	55002343	PHAN TRƯƠNG TƯỜNG HUY	Nam	01/04/2002		2	Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ	9.2	8.25	9.5	0.25	27.2
274	55010445	NGUYỄN PHÚ AN	Nam	07/11/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	9.2	9.75	8.25	0	27.2
275	56008295	NGUYỄN MINH QUY	Nam	14/01/2002		1	Huyện Ba Tri, Bến Tre	9.2	9.5	7.75	0.75	27.2
276	56009945	LÊ NHẬT QUAN	Nam	14/09/2002		2	Thành phố Bến Tre, Bến Tre	9.2	9.5	8.25	0.25	27.2
277	57001493	NGÔ LÊ GIA HÂN	Nữ	29/08/2002		2	Huyện Long Hồ, Vĩnh Long	9.2	9	8.75	0.25	27.2
278	57001508	TẠ QUANG HIẾU	Nam	14/01/2002		2	Huyện Long Hồ, Vĩnh Long	9.2	9.25	8.5	0.25	27.2
279	57002813	PHẠM THỊ TRÂM ANH	Nữ	21/05/2002		2NT	Huyện Mang Thít, Vĩnh Long	9.2	8.25	9.25	0.5	27.2
280	58002103	KIÊN MINH HÙNG	Nam	12/06/2002	01	1	Huyện Cầu Ngang, Trà Vinh	8.2	8.25	8	2.75	27.2
281	58002618	THÁI NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	29/09/2002		2	Thị xã Duyên Hải, Trà Vinh	9.2	9.25	8.5	0.25	27.2
282	60000044	ĐẶNG THÙY DUNG	Nữ	14/12/2002		2	Thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu	9.2	9	8.75	0.25	27.2
283	60003381	TRẦN LÂM TÂM NHƯ	Nữ	27/07/2002		1	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	9.2	8.75	8.5	0.75	27.2
284	61004297	NGUYỄN THỊ NHÍ	Nữ	01/04/2002		1	Huyện Thới Bình, Cà Mau	9.2	8.75	8.5	0.75	27.2
285	02028392	PHẠM HUỲNH QUỐC ĐẠT	Nam	29/12/2002		3	Thành phố Dĩ An, Bình Dương	9.4	9.25	8.5	0	27.15
286	37000029	NGUYỄN HỒ THÙY DUYÊN	Nữ	29/11/2002		2	Thành phố Quy Nhơn, Bình Định	8.4	8.75	9.75	0.25	27.15
287	40006546	LÊ TRỌNG DƯƠNG	Nam	21/09/2002		1	Huyện Krông Bông, Đắk Lắk	9.4	9.5	7.5	0.75	27.15
288	41009105	NGUYỄN HOÀNG THÙY TRANG	Nữ	11/09/2002		2	Huyện Khánh Vĩnh, Khánh Hoà	9.4	8.5	9	0.25	27.15
289	43001470	NGUYỄN THỊ HỒNG THẮM	Nữ	03/05/2002		1	Huyện Bù Gia Mập, Bình Phước	8.4	8.75	9.25	0.75	27.15
290	43001719	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	Nam	09/02/2002		1	Huyện Đồng Phú, Bình Phước	9.4	8.75	8.25	0.75	27.15

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
291	44001652	TRƯƠNG THANH THỌ	Nam	05/11/2002		2	Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	9.4	9	8.5	0.25	27.15
292	44002119	TRẦN TẤN ĐẠT	Nam	12/08/2001		2	Thị xã Thuận An, Bình Dương	9.4	8.75	8.75	0.25	27.15
293	44003075	NGUYỄN THÀNH PHÚ	Nam	29/11/2002		2	Thị xã Bến Cát, Bình Dương	9.4	8.75	8.75	0.25	27.15
294	48004767	ĐẶNG TRỌNG ĐỨC	Nam	28/02/2002		1	Huyện Tân Phú, Đồng Nai	8.4	9	9	0.75	27.15
295	51001024	NGUYỄN LÂM ANH KỲ	Nam	10/07/2002		2	Huyện Châu Thành, An Giang	9.4	8.75	8.75	0.25	27.15
296	51007683	NGUYỄN NGỌC THẢO NHI	Nữ	23/12/2001		2NT	Huyện An Phú, An Giang	9.4	8	9.25	0.5	27.15
297	54002868	BÙI KHÁNH TOÀN	Nam	04/02/2002		2	Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	9.4	8.75	8.75	0.25	27.15
298	55008787	NGÔ PHẠM THÚY UYÊN	Nữ	30/01/2001		2	Thị xã Tân Châu, An Giang	9.4	8.75	8.75	0.25	27.15
299	55009270	PHẠM MINH TRÍ	Nam	26/01/2002		3	Quận Cái Răng, Cần Thơ	9.4	9.25	8.5	0	27.15
300	55009377	THẠCH DẠ MINH CHÂU	Nữ	19/02/2002	06	3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	8.75	8	1	27.15
301	55009567	PHẠM THỊ DIỄM PHỤNG	Nữ	31/01/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.4	9	9.75	0	27.15
302	55010622	NGUYỄN QUỐC THẮNG	Nam	11/01/2001		2NT	Huyện Phú Tân, An Giang	9.4	8.25	9	0.5	27.15
303	57008306	LƯƠNG TRỌNG NGHĨA	Nam	01/11/2002		2NT	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	9.4	8.75	8.5	0.5	27.15
304	58005569	THẠCH THỊ DIỆU ANH	Nữ	17/12/2002	01	1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	8.4	7.75	8.25	2.75	27.15
305	59001007	CAO BỬU SAN	Nữ	29/06/2002	01	1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	9.4	7.75	7.25	2.75	27.15
306	60004846	DƯƠNG THANH THÚY	Nữ	03/03/2001		2NT	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	8.4	8.75	9.5	0.5	27.15
307	61007597	NGUYỄN THÀNH NGHIỆP	Nam	09/10/2002		1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9.4	8.25	8.75	0.75	27.15
308	41003865	ĐÀO TRẦN MỸ VÂN	Nữ	27/03/2002		2NT	Huyện Diên Khánh, Khánh Hoà	8.6	8.75	9.25	0.5	27.1
309	42001512	ĐINH GIA HUY	Nam	11/06/2002		1	Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng	8.6	9.25	8.5	0.75	27.1
310	45001551	HỒ VĂN VIÊN	Nam	05/10/1992		2	Huyện Gio Linh, Quảng Trị	8.6	8.75	9.5	0.25	27.1
311	47001185	NGUYỄN HUỲNH ÁI MY	Nữ	18/06/2002		1	Huyện Tuy Phong, Bình Thuận	9.6	8.5	8.25	0.75	27.1
312	50002579	DIỆP THANH PHÚ	Nam	09/11/2002		2NT	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	8.6	8.75	9.25	0.5	27.1
313	51001424	NGÔ TIẾN TRÌNH	Nam	27/10/2000		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	8.6	8.75	9.5	0.25	27.1
314	51006406	MAI TRÍ NGOAN	Nam	06/06/2002		2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	9.6	8	9	0.5	27.1
315	51013211	TRẦN MINH TƯỜNG	Nam	10/08/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.6	8.75	9.25	0.5	27.1
316	52000385	ĐẶNG TẤN LỢI	Nam	15/11/2002		2	Thành phố Bà Rịa, Bà Rịa	8.6	8.75	9.5	0.25	27.1
317	54000228	THỊ LOAN	Nữ	29/08/2002	01	1	Huyện An Biên, Kiên Giang	8.6	8.25	7.5	2.75	27.1
318	54000700	MẠC THỊ NHÃ LINH	Nữ	21/08/2002		1	Huyện An Minh, Kiên Giang	8.6	8.75	9	0.75	27.1
319	54002778	NGUYỄN TRUNG SƠN	Nam	30/01/2002		2	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	9.6	8.25	9	0.25	27.1
320	54010525	NGUYỄN THỊ KIM THOA	Nữ	09/03/2002		2NT	Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	8.6	8.5	9.5	0.5	27.1
321	55004366	NGUYỄN MINH AN	Nữ	09/02/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	9.6	8	9.5	0	27.1
322	55006284	LÊ PHÚC THỊNH	Nam	06/08/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.6	9.5	8	0	27.1
323	57005977	NGUYỄN THỊ NHƯ BÌNH	Nữ	11/04/2002		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	9.6	8.75	8.5	0.25	27.1
324	59000071	LÊ MẪN ĐẠT	Nam	02/05/2002		1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	9.6	8.75	8	0.75	27.1
325	59000321	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/08/2002		1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	8.6	8.75	9	0.75	27.1
326	59001021	NGUYỄN THÁI SƠN	Nam	05/11/2002		1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	8.6	8.5	9.25	0.75	27.1
327	60002768	LÊ THỊ ĐẸP	Nữ	12/08/2002		1	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	9.6	8.25	8.5	0.75	27.1

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
328	61003376	HỨA NGUYÊN ĐỜI	Nam	09/09/2001		2	Huyện Thới Bình, Cà Mau	9.6	8.75	8.5	0.25	27.1
329	61007918	BÙI KIM THOA	Nữ	12/11/2002		1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9.6	8.5	8.25	0.75	27.1
330	64000197	ĐOÀN KIM ANH	Nữ	30/10/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	8.6	9	9	0.5	27.1
331	64000406	NGUYỄN HIẾU THẢO	Nam	21/01/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	9.6	8.75	8.25	0.5	27.1
332	02040501	UÔI HUỲNH PHƯƠNG DUNG	Nữ	15/10/2002	06	3	Thành phố Hà Tiên, Kiên Giang	8.8	9	8.25	1	27.05
333	39008491	VÕ LÂM DUY HUẤN	Nam	30/09/2002		2	Huyện Phú Hòa, Phú Yên	8.8	9.25	8.75	0.25	27.05
334	43001358	NGUYỄN THỊ THANH NỮ	Nữ	15/01/2002		1	Huyện Bù Đăng, Bình Phước	8.8	9	8.5	0.75	27.05
335	43001646	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	Nữ	02/07/2002		1	Huyện Bù Gia Mập, Bình Phước	8.8	8.75	8.75	0.75	27.05
336	46000668	TRỊNH LÝ VY	Nữ	14/04/2002		2	Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh	8.8	8.75	9.25	0.25	27.05
337	47001382	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	17/03/2002		1	Huyện Tuy Phong, Bình Thuận	8.8	8.25	9.25	0.75	27.05
338	50008877	PHAN NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	14/06/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	8.8	8.5	9.25	0.5	27.05
339	51009268	PHẠM TỐ TRÂN	Nữ	20/07/2002		1	Huyện Tri Tôn, An Giang	8.8	9	8.5	0.75	27.05
340	52010028	HỒ SĨ VIỆT HÙNG	Nam	31/01/2002		2NT	Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa	8.8	8.75	9	0.5	27.05
341	53005346	NGUYỄN THANH DƯƠNG	Nam	13/03/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Tiền Giang	8.8	9.25	8.5	0.5	27.05
342	54002474	HỨA NGỌC HÀO	Nam	28/08/2002		2	Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	8.8	8.5	9.5	0.25	27.05
343	54002890	HUỲNH BẢO TRÂN	Nữ	10/10/2002	01	2	Huyện Giang Thành, Kiên Giang	8.8	8	8	2.25	27.05
344	54011985	TIÊU PHÚ SĨ	Nam	09/06/2001		1	Huyện Thới Bình, Cà Mau	8.8	8	9.5	0.75	27.05
345	55010497	TRẦN THANH GIA HÂN	Nữ	06/10/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.8	8.5	8.75	0	27.05
346	56010005	VÕ NGUYỄN BẢO THY	Nữ	30/08/2002		2	Thành phố Bến Tre, Bến Tre	8.8	9	9	0.25	27.05
347	57001408	TRẦN LÊ THÁI ANH	Nam	14/03/2002		2	Thành phố Vĩnh Long, Vĩnh Long	8.8	9.25	8.75	0.25	27.05
348	57001624	TRƯƠNG NGỌC MINH	Nữ	31/03/2002		2	Huyện Mang Thít, Vĩnh Long	8.8	9	9	0.25	27.05
349	57007404	NGUYỄN HỮU NHÂN	Nam	02/09/2002		2NT	Huyện Bình Tân, Vĩnh Long	8.8	8.5	9.25	0.5	27.05
350	58001971	ĐẶNG QUẾ CHI	Nữ	04/11/2000		1	Huyện Cầu Ngang, Trà Vinh	8.8	8.75	8.75	0.75	27.05
351	58002892	NGUYỄN LÊ NHƯ PHÚC	Nữ	16/02/2002		2	Thành phố Trà Vinh, Trà Vinh	8.8	8.75	9.25	0.25	27.05
352	58004195	TRẦN TRIỆU THIÊN	Nam	07/07/2002		1	Huyện Cầu Ngang, Trà Vinh	8.8	8.75	8.75	0.75	27.05
353	58005670	THẠCH DIỆU KỲ	Nam	07/12/2002	01	1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	8.8	7.5	8	2.75	27.05
354	59002876	TRẦ MINH TIỀN	Nam	28/08/2002	01	1	Thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	8.8	8.25	7.25	2.75	27.05
355	60002795	NGUYỄN CHÍ HIẾU	Nam	10/03/2002		1	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	8.8	9.75	7.75	0.75	27.05
356	60005340	DANH THANH NHÂN	Nam	20/10/2002	01	1	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	8.8	7.75	7.75	2.75	27.05
357	61000404	NGUYỄN LÊ KHÁNH UYÊN	Nữ	17/04/2002		2	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	8.8	9.25	8.75	0.25	27.05
358	02029035	LÊ HOÀNG QUYÊN	Nữ	26/08/2002		3	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	9	9.25	8.75	0	27
359	02041354	NGUYỄN QUỐC HƯNG	Nam	21/10/2002		3	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	9	9.75	8.25	0	27
360	02041906	NGUYỄN NGỌC BẢO VY	Nữ	20/01/2002		2	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	9	9.5	8.25	0.25	27
361	02042105	LƯU LÂM KIM NGÂN	Nữ	07/05/2002		3	Huyện Cần Giuộc, Long An	9	9.5	8.5	0	27
362	02047369	CAO NHỰT TRƯỜNG	Nam	05/04/1999		2NT	Huyện Chợ Gạo, Tiền Giang	9	9.5	8	0.5	27
363	02073634	PHẠM NGUYỄN ANH KHOA	Nam	20/10/2002		3	Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai	9	8.75	9.25	0	27
364	43000089	ĐÀO TIẾN ĐIỆP	Nam	30/07/2002		1	Thành phố Đồng Xoài, Bình Phước	9	8.5	8.75	0.75	27

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
365	46001075	VĂN THIÊN QUÝ	Nam	18/09/2001		2	Thành phố Tây Ninh, Tây Ninh	9	8.5	9.25	0.25	27
366	47006798	TRƯƠNG HUỲNH PHƯỚC	Nam	29/01/2002		2	Huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	9	9.25	8.5	0.25	27
367	48028219	LÊ THỊ KIM YẾN	Nữ	09/08/2002		2NT	Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai	9	8.5	9	0.5	27
368	49001407	ĐINH CÔNG DANH	Nam	16/08/2002		2NT	Huyện Tân Thạnh, Long An	9	8	9.5	0.5	27
369	49002519	LÊ THANH KHÔI	Nam	17/07/2002		2	Thành phố Tân An, Long An	9	9	8.75	0.25	27
370	49004484	CHÂU THỊ THANH XUÂN	Nữ	13/04/2001		2	Huyện Tân Trụ, Long An	9	9	8.75	0.25	27
371	50007332	NGUYỄN THỊ HIỀN DUY	Nữ	01/03/2002		2NT	Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	9	8.5	9	0.5	27
372	50008822	THẠCH NGỌC LIÊN THANH	Nữ	17/06/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	9	8.5	9	0.5	27
373	50012865	VIÊN THỊ MỸ HUYỀN	Nữ	07/06/2002		1	Huyện Tân Hồng, Đồng Tháp	9	8.5	8.75	0.75	27
374	54002607	HOÀNG NGỌC LINH	Nữ	21/01/2002		2	Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	9	9	8.75	0.25	27
375	54002993	TRẦN QUỐC ANH	Nam	07/09/2002	01	1	Huyện Giang Thành, Kiên Giang	8	8.75	7.5	2.75	27
376	54007764	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	20/01/2002		1	Huyện Giang Thành, Kiên Giang	9	8.5	8.75	0.75	27
377	55004483	ĐOÀN HẢI HÀ	Nữ	01/04/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	9	9.25	8.75	0	27
378	55008526	HUỲNH HOÀNG KHANG	Nam	10/11/2001		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	9	8.25	9.25	0.5	27
379	55009655	HUỲNH THỊ CẨM TÚ	Nữ	08/09/2002		3	Huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang	9	9.5	8.5	0	27
380	56004294	BÙI NHỰT LÂM	Nam	08/01/2002		2NT	Huyện Mỏ Cày Nam, Bến Tre	9	9	8.5	0.5	27
381	57006721	TRƯƠNG ÁI MỸ	Nữ	05/01/2002		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	9	9	8.75	0.25	27
382	60003183	TRẦN PHI HOÀNG	Nam	26/04/2002		2	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	9	9.25	8.5	0.25	27
383	60004827	LÊ HOÀNG THOẠI	Nam	23/11/2002		2NT	Huyện Phước Long, Bạc Liêu	9	8.5	9	0.5	27
384	61005669	TRẦN YẾN OANH	Nữ	25/10/2002		1	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	9	8.25	9	0.75	27
385	64005437	TRẦN NHẤT BĂNG	Nữ	14/08/2002		1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	9	9	8.25	0.75	27
386	02028407	NGUYỄN LÊ MINH ĐỨC	Nam	10/12/2002		3	Huyện Hàm Tân, Bình Thuận	9.2	9.25	8.5	0	26.95
387	02074616	HỒ VŨ THU UYÊN	Nữ	27/09/2002		1	Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng	9.2	8	9	0.75	26.95
388	28017779	MAI PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/06/2002		2NT	Huyện Triệu Sơn, Thanh Hoá	9.2	8.75	8.5	0.5	26.95
389	30010012	NGUYỄN QUANG HƯNG	Nam	09/02/2002		2	Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	9.2	8.5	9	0.25	26.95
390	34002024	ĐỖ QUANG PHI	Nam	13/08/2001		2	Thành phố Hội An, Quảng Nam	9.2	8.5	9	0.25	26.95
391	37000324	PHẠM TRUNG VĨNH	Nam	18/02/2002		2	Thành phố Quy Nhơn, Bình Định	9.2	8.5	9	0.25	26.95
392	41012889	LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	09/11/2002		2NT	Huyện Vạn Ninh, Khánh Hoà	9.2	8.25	9	0.5	26.95
393	42013220	PHAN UY ĐÔNG	Nam	28/08/2002		1	Huyện Cát Tiên, Lâm Đồng	9.2	8.5	8.5	0.75	26.95
394	43002114	NGUYỄN XUÂN HẬU	Nam	10/03/2001		2	Thị xã Phước Long, Bình Phước	9.2	8.5	9	0.25	26.95
395	44000897	PHAN THỊ TRÀ MY	Nữ	16/01/2002		2	Huyện Phú Vang, Thừa Thiên	9.2	8.75	8.75	0.25	26.95
396	47001601	PHẠM NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	22/03/2002		1	Huyện Bắc Bình, Bình Thuận	9.2	8	9	0.75	26.95
397	47002022	NGUYỄN HỒ BẢO TRÂM	Nữ	05/05/2002	01	1	Huyện Bắc Bình, Bình Thuận	8.2	8.25	7.75	2.75	26.95
398	47006773	PHAN NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	20/06/2002		2	Huyện Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	9.2	8.75	8.75	0.25	26.95
399	48006430	ĐẶNG LÊ TRANG HIỀN	Nữ	10/04/2002		2	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	9.2	8.25	9.25	0.25	26.95
400	48007964	LƯU THẾ HÙNG	Nam	15/07/2002		2	Huyện Trảng Bom, Đồng Nai	9.2	8.5	9	0.25	26.95
401	48020602	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	17/11/2001		2NT	Huyện Thống Nhất, Đồng Nai	9.2	8.75	8.5	0.5	26.95

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
402	49004170	TRẦN THỊ MINH HUYỀN	Nữ	01/06/2002		2	Huyện Tân Trụ, Long An	9.2	9	8.5	0.25	26.95
403	50000353	NGUYỄN NGỌC NHI	Nữ	04/05/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Đồng Tháp	9.2	9	8.25	0.5	26.95
404	50004067	NGUYỄN KIM MINH THƯ	Nữ	12/08/2002		2	Thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp	9.2	8.5	9	0.25	26.95
405	50006380	MAI THỊ THU TRINH	Nữ	11/08/2002		2	Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	9.2	8.75	8.75	0.25	26.95
406	50008861	NGUYỄN MINH THUẬN	Nam	27/09/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	9.2	8	9.25	0.5	26.95
407	50011710	HỒ THỊ DIỄM	Nữ	27/01/2001		2	Thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp	9.2	8.25	9.25	0.25	26.95
408	51001015	LÊ ANH KIỆT	Nam	30/01/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	9.2	9	8.5	0.25	26.95
409	51007737	SA FI RA	Nữ	15/08/2002	01	1	Huyện An Phú, An Giang	8.2	8	8	2.75	26.95
410	51010210	THÁI THỊ HUỲNH GIAO	Nữ	08/09/2002		2	Huyện Hồng Ngự, Đồng Tháp	9.2	9.25	8.25	0.25	26.95
411	53011500	VÕ TRẦN GIA PHÚ	Nam	06/08/2002		2NT	Huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang	8.2	9	9.25	0.5	26.95
412	53012258	PHẠM CÔNG DANH	Nam	15/06/2002		1	Huyện Gò Công Đông, Tiền Giang	9.2	8.75	8.25	0.75	26.95
413	55001764	LỮ THỊ CHÍ THANH	Nữ	20/03/2002		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	9.2	9	8.75	0	26.95
414	55004411	NGUYỄN NHƯ BÌNH	Nữ	15/03/2001		1	Huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	9.2	8.25	8.75	0.75	26.95
415	55004590	PHẠM GIANG KHÁNH	Nam	01/01/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	9.2	9	8.75	0	26.95
416	55010553	NGUYỄN HẢI MINH	Nam	27/07/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.2	8.75	9	0	26.95
417	56000217	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	20/03/2002		2NT	Huyện Bình Đại, Bến Tre	9.2	9	8.25	0.5	26.95
418	56000444	TRẦN GIA BẢO TRÂN	Nữ	25/11/2002		1	Huyện Bình Đại, Bến Tre	9.2	9	8	0.75	26.95
419	56003189	ĐỖ THỊ QUẾ ANH	Nữ	07/03/2002		2NT	Huyện Mỏ Cày Bắc, Bến Tre	9.2	9.25	8	0.5	26.95
420	56008144	ĐẶNG ANH KHA	Nam	16/01/2002		1	Huyện Ba Tri, Bến Tre	9.2	9	8	0.75	26.95
421	57003018	HUỲNH THANH LỘC	Nam	15/03/2002		2NT	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	9.2	8.25	9	0.5	26.95
422	59003296	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	10/07/2002		1	Thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	9.2	8	9	0.75	26.95
423	60003967	NGUYỄN HẠNH ĐOAN	Nữ	10/02/2002		1	Huyện Đông Hải, Bạc Liêu	9.2	8.5	8.5	0.75	26.95
424	61000019	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	03/12/2002		1	Huyện Thới Bình, Cà Mau	8.2	8.75	9.25	0.75	26.95
425	61003261	LÊ NHỰT DƯƠNG	Nam	06/08/2002		2	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	9.2	9.25	8.25	0.25	26.95
426	63006173	ĐOÀN THỊ LƯƠNG SƠN	Nữ	07/04/2002		1	Huyện Tuy Đức, Đăk Nông	9.2	8	9	0.75	26.95
		Y HỌC DỰ PHÒNG										
1	47001447	ĐỒNG THANH TRUYỀN	Nam	12/09/2002	01	2NT	Huyện Tuy Phong, Bình Thuận	7.8	8.5	7.75	2.5	26.55
2	60003518	LÊ TRẦN THÀNH TRUNG	Nam	18/03/2002		1	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	8	9.25	8.5	0.75	26.5
3	51014463	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	23/11/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8	8.25	9.25	0.5	26
4	55006717	ĐẶNG BÙI PHƯƠNG NGUYÊN	Nữ	22/10/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.4	8.75	8.75	0	25.9
5	55001652	TRẦN TRUNG NAM	Nam	25/10/2002		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	9	8.75	8	0	25.75
6	55007948	LÊ THÁI PHƯƠNG THẢO	Nữ	08/03/2002	06	3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9	8.25	7.25	1	25.5
7	51010544	NGUYỄN HOÀNG NHÃ TRÂN	Nữ	19/10/2002		2	Thị xã Tân Châu, An Giang	8.8	8.75	7.5	0.25	25.3
8	55002822	PHẠM TRỌNG NGHĨA	Nam	06/07/2002		2	Huyện Thới Lai, Cần Thơ	8.8	8.5	7.75	0.25	25.3
9	55004579	NGUYỄN MINH KHANG	Nam	17/09/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	8.8	8.5	8	0	25.3
10	55005968	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LAM	Nữ	29/09/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	8.2	8.25	8.75	0	25.2
11	44002694	NGUYỄN CHÍ TÀI	Nam	16/06/1993	07	2	Thị xã Tân Uyên, Bình Dương	8.4	7.5	8	1.25	25.15

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
12	55009666	VÕ NGỌC PHƯƠNG UYÊN	Nữ	17/08/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.4	8.5	8.25	0	25.15
13	64003614	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	27/08/2002		2	Thị xã Long Mỹ, Hậu Giang	8.4	8.75	7.75	0.25	25.15
14	59006697	QUÁCH AN BÌNH	Nam	01/05/2002	01	1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	8.6	6.75	7	2.75	25.1
15	61007945	ĐỖ ANH THƯ	Nữ	27/07/2002		1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	8.6	8.25	7.5	0.75	25.1
16	59006289	TRẦN THỊ NGỌC NHƯ	Nữ	08/05/2001		1	Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	8.8	8.25	7.25	0.75	25.05
17	60003903	HỒ PHƯƠNG ANH	Nữ	31/10/2002		1	Huyện Đông Hải, Bạc Liêu	8	7.5	8.75	0.75	25
18	64001785	PHẠM THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	25/05/2002		1	Huyện Kế Sách, Sóc Trăng	8.2	7.75	8.25	0.75	24.95
19	50002569	LÊ THỊ KIỀU OANH	Nữ	29/12/2002		2NT	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	8.6	7.75	8	0.5	24.85
20	61008544	HỒ TUYẾT BĂNG	Nữ	09/10/2002		2NT	Huyện Ngọc Hiển, Cà Mau	8.8	7.25	8.25	0.5	24.8
21	53001165	LÊ THỊ NGỌC HÂN	Nữ	02/09/2002		2NT	Huyện Cái Bè, Tiền Giang	8	8.25	8	0.5	24.75
22	55009593	TỪ THANH TÂM	Nữ	25/05/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8	8.25	8.5	0	24.75
23	55000852	LÊ TRƯƠNG KHÁNH DUY	Nữ	05/10/2002		3	Huyện Vĩnh Thạnh, Cần Thơ	8.2	8.5	8	0	24.7
24	55001806	DƯƠNG ĐẶNG KIM TIỀN	Nữ	25/10/2002		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	8.4	8.5	7.75	0	24.65
25	60005311	VÕ MAI TUYẾT NGHI	Nữ	06/05/2002		1	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	8.4	8.5	7	0.75	24.65
26	50011969	NGÔ VĂN HOÀNG THIỆN	Nam	30/09/1989	07	1	Huyện Hồng Ngự, Đồng Tháp	7.6	8	7.25	1.75	24.6
27	50007649	LÊ ANH THÁI	Nam	02/02/2002		2NT	Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	8.8	7.5	7.75	0.5	24.55
28	51000151	LÊ THỊ MỸ HẠNH	Nữ	18/01/2002		2	Huyện Vĩnh Thạnh, Cần Thơ	8.8	8.5	7	0.25	24.55
29	54003722	HUỲNH THỊ HỒNG ĐOAN	Nữ	19/07/2002		1	Huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	8.8	8.75	6.25	0.75	24.55
30	57002259	TRẦN NGUYỄN MINH KHÔI	Nam	29/11/2001		2	Thành phố Vĩnh Long, Vĩnh Long	8	8	8.25	0.25	24.5
31	57007055	VÕ THỊ TUYẾT MAI	Nữ	20/09/2002		2NT	Huyện Bình Tân, Vĩnh Long	9	7.75	7.25	0.5	24.5
32	50006362	HUỲNH TRẦN THIÊN TRANG	Nữ	15/11/2002		2NT	Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	9.2	8.25	6.5	0.5	24.45
33	51011486	TRẦN HỮU HẬU	Nam	21/12/2002		1	Thị xã Tân Châu, An Giang	8.2	8.25	7.25	0.75	24.45
34	55004774	THỊ TƯỜNG OANH	Nữ	29/05/2001	01	1	Huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	7.2	7.25	7.25	2.75	24.45
35	51015238	TRẦN THỊ MỸ UYÊN	Nữ	31/05/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.4	8	7.5	0.5	24.4
36	55010449	TRẦN NGUYỄN AN AN	Nữ	12/12/2002		2NT	Huyện Năm Căn, Cà Mau	8.4	7.75	7.75	0.5	24.4
37	57004549	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	03/09/2002		2NT	Huyện Mang Thít, Vĩnh Long	8.4	8	7.5	0.5	24.4
38	61002790	QUÁCH TRÚC CHI	Nữ	15/04/1993	07	1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	8.4	8	6.25	1.75	24.4
39	52003484	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	16/10/2002		2	Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh	8.6	8.25	7.25	0.25	24.35
40	54000220	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nam	18/12/2002		1	Huyện An Biên, Kiên Giang	8.6	8	7	0.75	24.35
41	64000069	LÊ THUỲ LINH	Nữ	21/06/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	8.6	8.25	7	0.5	24.35
42	51004429	LÊ HỮU NGHĨA	Nam	11/09/2002		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	7.8	8.25	7.75	0.5	24.3
43	51014644	NGUYỄN THÁI AN	Nam	17/08/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	7.8	8.25	7.75	0.5	24.3
44	50010891	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	11/09/2002		2NT	Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	9	7.75	7	0.5	24.25
45	52007821	HOÀNG HẢI HOA VÂN	Nữ	31/07/2002		2	Thị xã Phú Mỹ (H.Tân Thành), Bà Rịa	9	8	7	0.25	24.25
46	58002914	NGUYỄN THỊ THU QUYÊN	Nữ	11/11/2002		2	Huyện Châu Thành, Trà Vinh	8	8	8	0.25	24.25
47	58005849	LÂM THỊ NGỌC TRINH	Nữ	01/08/2002	01	1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	8	5.75	7.75	2.75	24.25
48	51000312	PHẠM HUỲNH LÊ MINH	Nam	16/03/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	8.2	7.5	8.25	0.25	24.2

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
49	64001890	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG THY	Nữ	17/05/2002		1	Thành phố Ngã Bảy, Hậu Giang	8.2	8.25	7	0.75	24.2
50	50009597	NGUYỄN HUỲNH THÚY VY	Nữ	29/08/2002		2NT	Huyện Tân Hưng, Long An	8.4	8.25	7	0.5	24.15
51	54003552	TRẦN MINH THƯ	Nữ	10/01/2002		1	Huyện Gò Quao, Kiên Giang	7.4	7.75	8.25	0.75	24.15
52	59001482	QUANG THỊ MỸ HUỲNH	Nữ	15/11/2001		1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	8.4	7.75	7.25	0.75	24.15
53	59001833	CHÂU THỊ DIỄM TRÂN	Nữ	02/10/2001		1	Thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	8.4	8	7	0.75	24.15
54	51005014	NGUYỄN HUỲNH THANH HUY	Nam	15/08/2002		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	8.6	7.75	7.25	0.5	24.1
55	55006499	TRẦN MINH CHÂU	Nữ	07/09/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	7.6	8.75	7.75	0	24.1
56	50006676	TRƯƠNG THỊ THỦY NGUYỆT	Nữ	29/06/2001		2NT	Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	8.8	8	6.75	0.5	24.05
57	51015117	NGUYỄN THÀNH NHÂN	Nam	13/02/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.8	8	6.75	0.5	24.05
58	64005541	BÙI XUÂN KHÁNH	Nữ	07/07/2002		1	Huyện Vị Thủy, Hậu Giang	8.8	6.75	7.75	0.75	24.05
59	48024629	NGUYỄN THỊ MAI TRINH	Nữ	04/10/2002		1	Huyện Tân Phú, Đồng Nai	8.2	8.5	6.5	0.75	23.95
60	50008788	TRẦN THỊ TÚ QUYÊN	Nữ	05/07/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	8.2	7.25	8	0.5	23.95
61	55005774	HỒ THỦY TRÚC DUYÊN	Nữ	19/07/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.2	8	7.75	0	23.95
62	55006307	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Nữ	23/08/1997		3	Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ	9.2	8.75	6	0	23.95
63	60001162	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	Nam	23/08/2002		2	Thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu	8.2	7.25	8.25	0.25	23.95
64	51005559	NGUYỄN HOÀNG PHI HẢI	Nam	08/10/2002		2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	8.4	6.75	8.25	0.5	23.9
65	52003321	LỮ HOÀNG MỸ TÔ UYÊN	Nữ	05/04/2002		2	Thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa	8.4	8.5	6.75	0.25	23.9
66	54008671	KIM NHẬT TÂN	Nam	03/09/2002		2	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	7.4	7.75	8.5	0.25	23.9
67	55004771	LÊ THỊ TỨ NI	Nữ	02/02/1999		3	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	8.4	8	7.5	0	23.9
68	56009928	TRẦN THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	10/10/2002		2	Huyện Châu Thành, Bến Tre	7.4	7.75	8.5	0.25	23.9
69	51007687	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	24/07/1994	07	1	Huyện Châu Phú, An Giang	7.6	7.5	7	1.75	23.85
70	55002952	NGUYỄN THỊ KIM THẢO	Nữ	12/12/2002		2	Huyện Thới Lai, Cần Thơ	8.6	7.5	7.5	0.25	23.85
71	57000445	LÊ DUY NGỌC	Nữ	27/12/2001		2	Huyện Bến Lức, Long An	8.6	8.25	6.75	0.25	23.85
72	59007120	TRẦN THỊ THU THẾ	Nữ	19/09/2002	01	1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	7.6	7.25	6.25	2.75	23.85
73	60000699	NGÔ QUỐC HƯNG	Nam	16/01/2002		2	Huyện Hòa Bình, Bạc Liêu	8.6	7.75	7.25	0.25	23.85
74	60003889	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	Nam	20/11/2002		1	Huyện Đông Hải, Bạc Liêu	8.6	6.5	8	0.75	23.85
75	60005027	QUÁCH TRƯƠNG NGỌC CHĂM	Nữ	04/12/2002		1	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	8.8	7	7.25	0.75	23.8
76	51002189	LÝ HUỲNH THIỆN NHÂN	Nam	27/04/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	8	7.75	7.75	0.25	23.75
77	56006116	NGUYỄN TRƯỜNG KHANG	Nam	19/05/2002		1	Huyện Thạnh Phú, Bến Tre	8	7	8	0.75	23.75
78	59000291	NGUYỄN NGỌC DIỄM QUỲNH	Nữ	16/09/2002		1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	8	8	7	0.75	23.75
79	58002477	KIM NGỌC TÍN	Nam	28/09/2002	01	1	Huyện Châu Thành, Trà Vinh	7.2	7	6.75	2.75	23.7
80	61006045	LƯ HOÀNG DUYÊN	Nữ	18/01/2002	01	1	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	7.2	6.25	7.5	2.75	23.7
81	61007547	NGUYỄN NGỌC MỸ	Nữ	31/08/2002		1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	8.2	7.75	7	0.75	23.7
82	40008177	NGUYỄN HỒNG TRÚC LY	Nữ	07/12/2002		1	Thị Xã Buôn Hồ, Đắk Lắk	8.4	7.25	7.25	0.75	23.65
83	51014564	TRẦN TÚ TRINH	Nữ	26/01/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.4	7.25	7.5	0.5	23.65
84	54001948	THỊ THÙY LINH	Nữ	17/12/2001	01	1	Huyện Châu Thành, Kiên Giang	7.4	7.5	6	2.75	23.65
85	54004577	DANH NGỌC SƠN	Nam	07/09/1998	01	1	Huyện Gò Quao, Kiên Giang	7.4	7.75	5.75	2.75	23.65

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
86	48025236	LƯƠNG XUÂN TRƯỜNG	Nam	22/09/2002		2	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	8.6	6.75	8	0.25	23.6
87	54010280	TRẦN PHƯỚC LỢI	Nam	19/04/2002		2NT	Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	7.6	8	7.5	0.5	23.6
88	55004787	HUỲNH THANH PHÚ	Nam	29/03/1994		3	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	8.6	8.5	6.5	0	23.6
89	49005062	VÕ HUỲNH KIM VÀNG	Nữ	28/11/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Long An	8.8	7.25	7	0.5	23.55
90	50003984	TRẦN HOÀNG TÂM	Nam	05/06/1993	07	2NT	Huyện Châu Thành, Đồng Tháp	7.8	7	7.25	1.5	23.55
91	55009569	NGÔ LAM PHƯƠNG	Nữ	02/10/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	7.8	7.75	8	0	23.55
92	64003574	TRẦN GIA HUY	Nam	28/11/2002		2	Huyện Long Mỹ, Hậu Giang	7.8	8	7.5	0.25	23.55
93	50006481	PHAN THỊ KIM CƯƠNG	Nữ	07/08/1997		2NT	Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	8	7.5	7.5	0.5	23.5
94	57005543	NGUYỄN PHƯƠNG NGA	Nữ	19/02/2002		2NT	Huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long	8	8	7	0.5	23.5
95	59004785	NGUYỄN HỒ THANH TUYỀN	Nữ	12/07/2002		1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	8	8.25	6.5	0.75	23.5
96	59005253	TRẦN THỊ BẢO NGHI	Nữ	29/07/2002		1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	8	7.75	7	0.75	23.5
97	51008856	PHAN PHỤNG HOÀNG KỲ TÀI	Nam	13/11/1994		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.2	8	6.75	0.5	23.45
98	53001842	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	Nữ	23/07/2002		2NT	Huyện Cái Bè, Tiền Giang	9.2	6.5	7.25	0.5	23.45
99	55008667	DƯ TRỌNG PHÚC	Nam	29/10/1998	07	2NT	Huyện Phú Tân, An Giang	8.2	7.5	6.25	1.5	23.45
100	60004712	DƯƠNG BẢO NHƯ	Nữ	15/05/2002		2NT	Huyện Phước Long, Bạc Liêu	8.2	8.75	6	0.5	23.45
101	50006255	NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG	Nữ	17/10/2002		2NT	Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	8.4	7.5	7	0.5	23.4
102	55007106	TRẦN THỊ HUỲNH GIAO	Nữ	01/01/2001		2NT	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	8.4	7.75	6.75	0.5	23.4
103	57001236	NGUYỄN THANH TÂM	Nữ	08/10/2002		2	Huyện Long Hồ, Vĩnh Long	8.4	6.5	8.25	0.25	23.4
104	59004150	TRẦN TRỌNG TIẾN	Nam	28/08/2002		1	Huyện Kế Sách, Sóc Trăng	8.4	6.25	8	0.75	23.4
105	59006195	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH LINH	Nữ	29/07/2002		1	Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	7.4	7.5	7.75	0.75	23.4
		Y HỌC CỔ TRUYỀN										
1	59001418	LÊ THANH HÀ	Nữ	29/09/2001	01	1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	7.6	8.25	8.25	2.75	26.85
2	55009535	QUÁCH NGUYỄN ĐỨC NHÂN	Nam	24/03/1998		2NT	Huyện An Phú, An Giang	8.8	9	8.5	0.5	26.8
3	55010617	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	01/05/2002		3	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	9.2	8.5	9	0	26.7
4	61007836	TRỊNH THỊ HẠNH SAN	Nữ	19/05/2002		1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9.2	8.5	8.25	0.75	26.7
5	55003688	TRƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN	Nữ	14/11/2002		3	Quận Ô Môn, Cần Thơ	8.4	9.25	9	0	26.65
6	56008207	CAO THỊ THÚY NGÂN	Nữ	29/10/2002		2NT	Huyện Ba Tri, Bến Tre	8.6	8.75	8.75	0.5	26.6
7	61006964	HUỲNH ÚT THỊNH	Nam	22/09/2002		1	Huyện Ngọc Hiển, Cà Mau	8.6	9	8.25	0.75	26.6
8	47008596	VÕ QUỐC LÂU	Nam	04/10/2001		1	Huyện Tánh Linh, Bình Thuận	8.8	9	8	0.75	26.55
9	55003273	HỒ KIỀU THÚY ANH	Nữ	01/07/2002		3	Quận Ô Môn, Cần Thơ	8.8	8.5	9.25	0	26.55
10	57008688	TRẦN TRÚC QUYÊN	Nữ	20/10/2002		2NT	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	8.8	8.5	8.75	0.5	26.55
11	60003132	NGUYỄN LÊ NHẬT DUY	Nam	15/12/2002		1	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	9	9	7.75	0.75	26.5
12	51007616	TRẦN HỒNG HẠNH	Nữ	23/06/1997		1	Huyện Tịnh Biên, An Giang	9.2	8.5	8	0.75	26.45
13	54011235	NGUYỄN THÁI HỢP	Nam	15/12/2001		1	Huyện U Minh Thượng, Kiên Giang	9.2	8.75	7.75	0.75	26.45
14	54008635	ĐỖ XUÂN QUỲNH	Nữ	15/06/2002		2	Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	9.4	8	8.75	0.25	26.4
15	55008144	NGUYỄN THÚY DUY	Nữ	20/04/2001		1	Huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang	8.4	8	9.25	0.75	26.4
16	55009671	NGUYỄN KHƯU NGỌC VINH	Nam	21/03/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.4	9	9	0	26.4

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
17	59003785	PHẠM VĨNH NGHI	Nữ	24/01/2002		1	Huyện Kế Sách, Sóc Trăng	8.4	8.25	9	0.75	26.4
18	61003608	NGUYỄN THÀNH TÍN	Nam	24/09/2001		1	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	8.4	8	9.25	0.75	26.4
19	54012347	LÊ THỊ MỸ NHÂN	Nữ	09/11/2002		2	Huyện U Minh Thượng, Kiên Giang	8.6	8.25	9.25	0.25	26.35
20	60001522	NGUYỄN THỊ TRANG THƯ	Nữ	12/08/2002		1	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	8.6	8.5	8.5	0.75	26.35
21	54001501	NGUYỄN ĐỨC CUNG	Nam	27/01/2002		1	Huyện Phú Quốc, Kiên Giang	8.8	8.75	8	0.75	26.3
22	55006178	HUỲNH NGUYỄN KỲ QUANG	Nam	26/03/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.8	8.5	9	0	26.3
23	51004884	PHẠM VĂN QUÝ	Nam	28/12/2001		1	Huyện Châu Thành, An Giang	9	8	8.5	0.75	26.25
24	54002615	PHẠM GIA LINH	Nữ	27/11/2002		2	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	9	8.75	8.25	0.25	26.25
25	57009687	NGUYỄN NGỌC NHƯ HUYỀN	Nữ	27/11/2002		2NT	Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long	9	8	8.75	0.5	26.25
26	54011422	LỮ THỊ MINH THƯ	Nữ	09/03/2002		1	Huyện U Minh Thượng, Kiên Giang	9.2	8.75	7.5	0.75	26.2
27	55006964	NGUYỄN THỊ TRIỆU VY	Nữ	16/12/2001		2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	9.2	8.5	8	0.5	26.2
28	55008403	CAO THỊ THẢO VY	Nữ	26/06/2001		1	Huyện Hòa Bình, Bạc Liêu	9.2	8.5	7.75	0.75	26.2
29	56002708	NGUYỄN THANH TÚ	Nam	02/04/2002		2NT	Huyện Chợ Lách, Bến Tre	9.2	9	7.5	0.5	26.2
30	59000010	LÊ NHỰT ANH	Nam	27/02/2002		1	Huyện Trần Đề, Sóc Trăng	9.2	8.75	7.5	0.75	26.2
31	59007296	TÔ KIM YẾN	Nữ	09/12/2002	01	1	Huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	8.2	7.5	7.75	2.75	26.2
32	55006308	NGUYỄN VÕ ANH THƯ	Nữ	10/02/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	8.25	8.5	0	26.15
33	57005056	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	06/09/2002		2NT	Huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long	8.4	8.5	8.75	0.5	26.15
34	47002034	VÕ NGỌC QUẾ TRÂN	Nữ	16/03/2002		1	Huyện Bắc Bình, Bình Thuận	8.6	9	7.75	0.75	26.1
35	57006999	NGUYỄN NGỌC HIẾU	Nữ	02/09/2002		2NT	Huyện Bình Tân, Vĩnh Long	8.6	8.5	8.5	0.5	26.1
36	47000680	NGUYỄN THỊ MINH THÂN	Nữ	15/09/2002		2	Huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	8.8	8.5	8.5	0.25	26.05
37	53007176	NGUYỄN TRƯƠNG THÁI HUY	Nam	03/04/2002		2	Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	8.8	8.25	8.75	0.25	26.05
38	55010515	HUỲNH MINH HUY	Nam	03/10/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.8	8.75	8.5	0	26.05
39	50011952	BÙI THỊ MAI THẢO	Nữ	05/11/2002		1	Thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp	9	8	8.25	0.75	26
40	53013733	HỒ THẢO PHƯƠNG TRINH	Nữ	10/06/2002		2NT	Huyện Gò Công Đông, Tiền Giang	9	8.5	8	0.5	26
41	64005687	BÙI THỊ NGỌC QUYÊN	Nữ	01/06/2002		1	Huyện Long Mỹ, Hậu Giang	9	8.5	7.75	0.75	26
42	55008131	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	Nam	03/05/1997		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	8.2	9.25	8	0.5	25.95
43	55008155	TRẦN HUỲNH ĐĂNG	Nam	10/09/2001		1	Huyện Đông Hải, Bạc Liêu	9.2	8.75	7.25	0.75	25.95
44	64000064	BÙI THỊ DIỄM KIỀU	Nữ	09/09/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	9.2	9	7.25	0.5	25.95
45	64002825	LÊ LÝ KIM CƯƠNG	Nữ	19/06/2002	01	1	Huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang	8.2	7.75	7.25	2.75	25.95
46	47001542	TRẦN TỐ ANH	Nữ	28/01/2002	01	1	Huyện Bắc Bình, Bình Thuận	9.4	8	5.75	2.75	25.9
47	55008176	THỊ BÍCH HỒNG	Nữ	29/09/2001	01	1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	8.4	7.75	7	2.75	25.9
48	61002353	ĐÀO BẢO TRÂN	Nữ	18/05/2002		1	Huyện Cái Nước, Cà Mau	8.4	8	8.75	0.75	25.9
49	50005816	VĂN THỊ HUỲNH THƯ	Nữ	02/03/2001		2NT	Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	8.6	8.25	8.5	0.5	25.85
50	55009472	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	02/07/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.6	8.5	7.75	0	25.85
51	64005623	TIÊU HUỲNH ÁI NGỌC	Nữ	04/07/2002	01	1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	8.8	7.5	6.75	2.75	25.8
52	54003327	TRẦN KHÁNH ĐOAN	Nữ	03/12/2002	01	1	Huyện Gò Quao, Kiên Giang	9	8	6	2.75	25.75
53	54005362	NGÔ THÚY QUYÊN	Nữ	27/10/2002		2NT	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	9	7.25	9	0.5	25.75

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
54	54008205	PHẠM HƯƠNG GIANG	Nữ	14/02/2002		2	Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	9	8.5	8	0.25	25.75
55	55007255	BÙI KIM NGÂN	Nữ	25/04/2001		2	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	9	8.75	7.75	0.25	25.75
56	59000742	NGUYỄN TUẤN KIỆT	Nam	09/08/2002		1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	9	7.25	8.75	0.75	25.75
57	60002770	GIANG NGỌC ĐIỂM	Nữ	29/10/2002	06	2	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	8	9	7.5	1.25	25.75
58	60003224	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	18/08/2002		2	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	9	8.5	8	0.25	25.75
59	55006810	LÊ MINH TÂM	Nam	09/01/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.2	7.75	8.75	0	25.7
60	64004162	TRẦN THỊ QUYÊN	Nữ	02/08/2002		1	Huyện Long Mỹ, Hậu Giang	9.2	8	7.75	0.75	25.7
61	55008102	ĐINH THỊ LAN ANH	Nữ	17/08/2001		1	Huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	8.4	9	7.5	0.75	25.65
62	60001084	QUÁCH TÚ VY	Nữ	08/12/2002		1	Huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	8.4	7.75	8.75	0.75	25.65
63	55001209	ĐOÀN PHƯỚC SANG	Nam	25/12/2002		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	8.6	9.25	7.75	0	25.6
64	55004892	GIẢNG THIÊN	Nam	24/07/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	8.6	8.5	8.5	0	25.6
65	56000184	DƯƠNG KHÁNH LIN	Nữ	14/02/2002		2NT	Huyện Bình Đại, Bến Tre	8.8	8.75	7.5	0.5	25.55
66	57002249	PHẠM GIA KHIÊM	Nam	20/09/2001		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	7.8	8.25	9.25	0.25	25.55
67	50003164	ĐẶNG ANH THƯ	Nữ	07/09/2002		2NT	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	8	8.5	8.5	0.5	25.5
68	55003343	LÊ DUY HẢI	Nam	18/03/2002		3	Quận Ô Môn, Cần Thơ	9	8	8.5	0	25.5
69	51001334	LÊ PHÚ THỊNH	Nam	12/12/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	9.2	7.75	8.25	0.25	25.45
70	52005791	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	Nam	29/12/2002		2NT	Huyện Đất Đỏ, Bà Rịa	9.2	7.5	8.25	0.5	25.45
71	54004570	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	01/11/2002		1	Huyện Gò Quao, Kiên Giang	8.2	8.25	8.25	0.75	25.45
72	59000005	VÕ TRẦN THÚY AN	Nữ	19/01/2002		1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	9.4	8	7.25	0.75	25.4
73	59007082	HUỲNH PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	04/05/2002	01	1	Huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	8.4	7	7.25	2.75	25.4
74	59001456	VÕ KHÁNH HÒA	Nam	24/08/2002	01	1	Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	7.6	8.25	6.75	2.75	25.35
75	64005524	TRƯƠNG CHẤN HƯNG	Nam	02/10/2002	01	1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	8.6	7.5	6.5	2.75	25.35
76	51004243	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	19/07/2002		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	8.8	7.75	8.25	0.5	25.3
77	55003587	VÕ NGUYỄN THI THƠ	Nữ	01/08/2002		3	Quận Ô Môn, Cần Thơ	8.8	8.5	8	0	25.3
78	50007578	NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ	Nữ	14/04/2002		2NT	Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	8	8	8.75	0.5	25.25
79	55006392	TRẦN NGUYỄN THANH TUYỀN	Nữ	07/12/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9	8.5	7.75	0	25.25
80	55006620	NGUYỄN HOÀNG GIA KHANG	Nam	24/01/2001		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	9	8.25	7.75	0.25	25.25
81	51009012	TRẦN THỊ HỒNG YẾN	Nữ	15/04/2002		1	Huyện Tịnh Biên, An Giang	8.2	8.25	8	0.75	25.2
		DƯỢC HỌC										
1	55010563	NGUYỄN KHÁNH NGÂN	Nữ	28/03/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	9.4	9	9.75	0	28.15
2	51003971	HUỲNH GIAO	Nam	17/09/2002	01	1	Huyện Thoại Sơn, An Giang	8.6	8.5	8.25	2.75	28.1
3	64005584	PHẠM THỊ MAI	Nữ	06/09/2002		1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	9.2	9	9	0.75	27.95
4	58006499	THÁI NGỌC TRÂM	Nữ	13/04/2002	01	1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	8.6	7.75	8.25	2.75	27.35
5	53012100	ĐỖ NGỌC BĂNG THẢO	Nữ	09/10/2002		1	Huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang	9	8.75	8.75	0.75	27.25
6	50005240	LÊ THỊ NGỌC QUYÊN	Nữ	01/07/2002		2	Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	9.4	8.25	9.25	0.25	27.15
7	55010468	TRẦN MINH CƯỜNG	Nam	12/08/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	9	8.75	0	27.15
8	59001261	LÂM THẾ VINH	Nam	23/10/2002	01	1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	9.2	7.5	7.5	2.75	26.95

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
9	55009562	TRƯƠNG NGỌC PHÁT	Nam	25/12/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	8.75	8.75	0	26.9
10	64005750	NGUYỄN LÊ ĐÔNG THƯ	Nữ	03/11/2002		1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	9.4	8.5	8.25	0.75	26.9
11	50001845	MẠC THIÊN PHÚ	Nam	13/11/2002		2NT	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	8.8	8.5	9	0.5	26.8
12	51002190	NGUYỄN HỮU NHÂN	Nam	11/02/2002		2	Huyện Châu Thành, An Giang	8.8	8.5	9.25	0.25	26.8
13	54001562	NGUYỄN QUÝ MINH HUY	Nam	15/03/2002		1	Huyện Phú Quốc, Kiên Giang	9	8.5	8.5	0.75	26.75
14	50009887	DƯƠNG VĂN KHẢ QUÍ	Nam	21/05/2002		2NT	Huyện Tam Nông, Đồng Tháp	8.2	9.5	8.5	0.5	26.7
15	53003355	NGUYỄN PHI NHUNG	Nữ	17/02/2002		2	Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	9.2	8.5	8.75	0.25	26.7
16	55004436	CAO TẤN DUY	Nam	20/08/2001		2NT	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	9.2	8.5	8.5	0.5	26.7
17	55010189	NGÔ PHƯƠNG YẾN	Nữ	10/09/2002		2	Huyện Phong Điền, Cần Thơ	9.2	9	8.25	0.25	26.7
18	57005064	NGUYỄN ANH UYÊN	Nữ	21/10/2002		2NT	Huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long	9.2	8.25	8.75	0.5	26.7
19	57006094	ĐỖ TẤN HUY	Nam	02/09/2002		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	9.2	8.75	8.5	0.25	26.7
20	61003506	LA HIẾU LAM	Nam	26/01/2001		2	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9.2	9	8.25	0.25	26.7
21	54001185	NGUYỄN THỊ ÁNH MAI	Nữ	28/11/2002	06	1	Huyện An Minh, Kiên Giang	8.4	9	7.5	1.75	26.65
22	54005110	HUỲNH NHẬT HÀO	Nam	19/02/2002		1	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	9.4	8.75	7.75	0.75	26.65
23	54008689	PHẠM TUẤN THÀNH	Nam	10/07/2002		2	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	9.4	9.25	7.75	0.25	26.65
24	57005981	ĐINH HUỲNH CHÂU	Nữ	22/12/2002		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	9.4	8.5	8.5	0.25	26.65
25	59001047	TRẦN VĂN THÁI	Nam	17/02/2002	01	1	Thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	8.4	9	6.5	2.75	26.65
26	61001632	QUÁCH KIM NGÂN	Nữ	19/12/2001	06	2	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	8.4	8	9	1.25	26.65
27	42008660	HOÀNG THỊ KIM VÂN	Nữ	02/04/2002		1	Huyện Di Linh, Lâm Đồng	8.6	8.75	8.5	0.75	26.6
28	51007054	NGUYỄN HUỲNH THANH UY	Nam	13/04/2002		2	Thành phố Châu Đốc, An Giang	8.6	8.75	9	0.25	26.6
29	55008230	LÊ TRÀ MY	Nữ	02/03/2001		2NT	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	8.6	8.75	8.75	0.5	26.6
30	55009239	NGUYỄN QUANG TOÀN	Nam	06/02/2002		3	Quận Cái Răng, Cần Thơ	8.6	9.25	8.75	0	26.6
31	55010528	ĐÀO ANH KHOA	Nam	27/12/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.6	9.25	7.75	0	26.6
32	56004233	NGUYỄN NHỰT ANH HUY	Nam	31/07/2002		2NT	Huyện Mỏ Cày Bắc, Bến Tre	8.6	9	8.5	0.5	26.6
33	57001388	CÙ HUỆ PHƯƠNG ANH	Nữ	28/11/2002		2	Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long	8.6	8.75	9	0.25	26.6
34	53003403	LÊ PHƯỚC QUAN	Nam	26/07/2002		2	Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	8.8	8.5	9	0.25	26.55
35	53006045	NGUYỄN THỊ CẨM GIANG	Nữ	09/06/2002		2NT	Huyện Chợ Gạo, Tiền Giang	8.8	8	9.25	0.5	26.55
36	55000913	NGUYỄN THỊ KIM HÂN	Nữ	28/04/2002		3	Huyện Vĩnh Thạnh, Cần Thơ	8.8	8.5	9.25	0	26.55
37	55009341	NGUYỄN ĐOÀN QUỲNH AN	Nữ	19/05/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	8.8	9.5	8.25	0	26.55
38	55009587	KHƯU THANH SƠN	Nam	07/01/2002	06	3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	7.8	8.75	9	1	26.55
39	57009261	HỒ MINH THƯ	Nữ	15/06/2002	06	2NT	Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long	8.8	7.5	8.75	1.5	26.55
40	59000030	TIẾT QUỐC BẢO	Nam	26/10/2002		1	Huyện Châu Thành, Sóc Trăng	8.8	9	8	0.75	26.55
41	61002171	CHÂU ANH THƯ	Nữ	11/05/2002	01	2	Huyện Thới Bình, Cà Mau	8.8	7.25	8.25	2.25	26.55
42	64002568	VÕ MINH KHOA	Nam	23/01/2002	06	2NT	Huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang	8.8	8.75	7.5	1.5	26.55
43	50011663	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	13/07/2002		2	Huyện Hồng Ngự, Đồng Tháp	9	8.25	9	0.25	26.5
44	51001469	TRƯƠNG LÊ LAN VI	Nữ	06/04/2002		2	Huyện Chợ Mới, An Giang	9	9.25	8	0.25	26.5
45	51001994	PHẠM HỮU ANH	Nam	29/07/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	9	8.5	8.75	0.25	26.5

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
46	51005398	LÊ HUY THẠNH	Nam	29/01/2002		1	Huyện Châu Phú, An Giang	9	9	7.75	0.75	26.5
47	54010152	LÊ THỊ TRÚC GIANG	Nữ	19/05/2002		2NT	Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	9	8.25	8.75	0.5	26.5
48	55005973	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	Nữ	18/05/2000		2NT	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	9	7.75	9.25	0.5	26.5
49	59004731	NGUYỄN HOÀNG ANH THƯ	Nữ	13/07/2002		1	Huyện Trần Đề, Sóc Trăng	9	8.25	8.5	0.75	26.5
50	61000433	LÂM TRIỆU VĨ	Nam	06/07/2002		2	Huyện Thới Bình, Cà Mau	9	8.25	9	0.25	26.5
51	61002213	NGUYỄN LÊ KHÁNH THY	Nữ	17/04/2002		2	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	9	8.5	8.75	0.25	26.5
52	61002451	MÃ HUỲNH TỐ TRINH	Nữ	17/09/2002		1	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	9	8.25	8.5	0.75	26.5
53	64002714	NGUYỄN BÙI HỒNG THI	Nữ	02/04/2002		1	Huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang	9	8.25	8.5	0.75	26.5
54	45001328	LA NỮ KIỀU NGUYÊN	Nữ	16/06/2001	01	1	Huyện Thuận Nam, Ninh Thuận	8.2	8.5	7	2.75	26.45
55	51001100	NGUYỄN NGỌC NGÂN	Nữ	17/05/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	9.2	9	8	0.25	26.45
56	51012194	LÂM VĨNH TƯỜNG	Nam	02/11/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	9.2	8.5	8.25	0.5	26.45
57	55005999	NGUYỄN THỊ HỒNG MAI	Nữ	11/02/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.2	8.75	8.5	0	26.45
58	55008387	ĐẶNG THỊ KIM TUYỀN	Nữ	15/08/1998		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	9.2	8.75	8.5	0	26.45
59	55009404	NGÔ THÀNH ĐẠT	Nam	21/11/2002		3	Quận Ô Môn, Cần Thơ	9.2	8.5	8.75	0	26.45
60	58002983	NGUYỄN MINH THUẬN	Nam	05/11/2002		2	Huyện Tiểu Cần, Trà Vinh	9.2	8.5	8.5	0.25	26.45
61	60000593	LƯU QUỐC DƯƠNG	Nam	15/09/2002		2	Huyện Hòa Bình, Bạc Liêu	9.2	8	9	0.25	26.45
62	60005552	TRẦN VĂN TRỌN	Nam	19/10/2002		1	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	9.2	9	7.5	0.75	26.45
63	02047473	LÊ THỊ AN	Nữ	09/08/2000		1	Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hoá	9.4	8.5	7.75	0.75	26.4
64	51007648	NGÔ BẢO LỘC	Nam	15/01/2001		2NT	Huyện An Phú, An Giang	8.4	8.25	9.25	0.5	26.4
65	51014070	MAI NGỌC THANH BÌNH	Nữ	25/09/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.4	8.25	9.25	0.5	26.4
66	55008279	NGUYỄN THÀNH PHÁT	Nam	20/10/2001		2	Huyện Thoại Sơn, An Giang	9.4	8.25	8.5	0.25	26.4
67	56006632	MAI CÔNG LÝ	Nam	08/10/2002		1	Huyện Thạnh Phú, Bến Tre	8.4	9.25	8	0.75	26.4
68	57008280	THÂN ĐẶNG TUYẾT MINH	Nữ	09/04/2002	06	2NT	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	8.4	8.25	8.25	1.5	26.4
69	50004019	ĐOÀN HỒNG THẮM	Nữ	16/10/2002		2	Thành phố Vĩnh Long, Vĩnh Long	9.6	7.75	8.75	0.25	26.35
70	57006032	PHẠM MINH ĐỦ	Nam	01/01/2002		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	8.6	8.75	8.75	0.25	26.35
71	57006414	BÌNH THỊ ANH THƯ	Nữ	25/06/2002		2	Huyện Châu Thành, An Giang	8.6	8.75	8.75	0.25	26.35
72	59000013	NGUYỄN HUỲNH ANH	Nữ	10/10/2002		1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	8.6	8.75	8.25	0.75	26.35
73	60003368	HÀ TÚ NHƯ	Nữ	30/01/2002		1	Huyện Đông Hải, Bạc Liêu	8.6	8.5	8.5	0.75	26.35
74	42001707	K' NHƯ	Nữ	06/06/2002	01	1	Huyện Đạm Rông, Lâm Đồng	7.8	7.75	8	2.75	26.3
75	49010553	PHAN LÊ KỲ	Nữ	11/04/2002		2NT	Huyện Cần Đước, Long An	8.8	8.5	8.5	0.5	26.3
76	50006157	TRẦN HỒNG NGÂN	Nữ	13/05/2002		2	Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	8.8	9	8.25	0.25	26.3
77	51001021	TÔ HUỲNH TUẤN KIỆT	Nam	01/08/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	8.8	8.25	9	0.25	26.3
78	51004373	ĐOÀN KHÁNH LINH	Nam	06/10/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.8	8.5	8.5	0.5	26.3
79	51010041	TRẦN QUANG THỊNH	Nam	29/03/2002		2NT	Huyện An Phú, An Giang	8.8	8.5	8.5	0.5	26.3
80	51010218	VĂN TRUNG HÀO	Nam	01/11/2002		2	Thị xã Tân Châu, An Giang	8.8	9	8.25	0.25	26.3
81	53003305	TRẦN NGỌC DIỄM NGÂN	Nữ	14/01/2002		2	Huyện Cai Lậy, Tiền Giang	8.8	8.5	8.75	0.25	26.3
82	55004497	LA THANH HẰNG	Nữ	05/06/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	8.8	8.5	9	0	26.3

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
83	55006014	VĂN BẢO MY	Nữ	16/10/2002	06	3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.8	8.5	8	1	26.3
84	55008191	NGUYỄN HOÀNG HỬU	Nam	18/08/2001		2NT	Huyện Thoại Sơn, An Giang	8.8	8.25	8.75	0.5	26.3
85	55008880	ĐOÀN NGỌC TẤN ĐẠT	Nam	30/09/2002		3	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	8.8	8	9.5	0	26.3
86	57008827	TRẦN THỊ QUỲNH CHI	Nữ	03/06/2002		2NT	Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long	8.8	8.75	8.25	0.5	26.3
87	02070543	LƯU THỊ NHƯ Ý	Nữ	27/10/2001		2	Huyện Phú Lộc, Thừa Thiên	9	8.75	8.25	0.25	26.25
88	47006461	NGHIÊM THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	20/06/2002		2	Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận	9	8.25	8.75	0.25	26.25
89	50001194	NGÔ THỊ NGỌC GIÀU	Nữ	02/10/2002		2NT	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	9	8.25	8.5	0.5	26.25
90	50008738	TRẦN THỊ TÚ OANH	Nữ	29/06/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	9	8.5	8.25	0.5	26.25
91	51014422	NGUYỄN HOÀNG QUYÊN	Nữ	27/12/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	9	7.75	9	0.5	26.25
92	51014671	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	22/03/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	9	8.5	8.25	0.5	26.25
93	53002004	LÊ NGUYỄN MINH THI	Nữ	22/10/2002		2NT	Huyện Cái Bè, Tiền Giang	9	8.5	8.25	0.5	26.25
94	54008407	HÀ PHI LONG	Nam	04/05/2002		2	Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	9	8.75	8.25	0.25	26.25
95	55006000	THIỀU NGỌC MAI	Nữ	30/04/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9	8.75	8.5	0	26.25
96	55006341	CAO NGUYỄN HOÀNG TRÂM	Nữ	26/10/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9	9.25	8	0	26.25
97	55009485	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	29/03/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	9	8.75	8.5	0	26.25
98	55010493	LÊ THANH HÀ	Nữ	27/04/2002		3	Quận Cái Răng, Cần Thơ	9	8.5	8.75	0	26.25
99	57006147	LÝ TRUNG KIÊN	Nam	27/08/2002	01	2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	8	7.5	8.5	2.25	26.25
100	02028900	ĐINH THỊ MINH NGỌC	Nữ	09/03/2002		3	Thành phố Tân An, Long An	9.2	8.75	8.25	0	26.2
101	35008390	TRẦN THỊ MINH ÁI	Nữ	20/02/2002		1	Huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi	9.2	8.25	8	0.75	26.2
102	44002822	ĐOÀN ĐÌNH TRÍ	Nam	31/07/2002		2	Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	9.2	8.75	8	0.25	26.2
103	46004030	ĐÀO NGUYỄN THÀNH TÀI	Nam	14/10/2002		2NT	Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh	9.2	8.75	7.75	0.5	26.2
104	51012913	THÁI HÀ NGỌC ĐÁN	Nữ	20/01/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.2	8.5	9	0.5	26.2
105	53013221	VĂN NHẬT TUẤN	Nam	16/04/2001		2	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	9.2	8.5	8.25	0.25	26.2
106	55006396	PHAN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	25/10/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.2	8.5	8.5	0	26.2
107	02027891	PHAN HỒNG NGỌC	Nữ	22/10/2002		2NT	Huyện Cần Đước, Long An	8.4	9	8.25	0.5	26.15
108	02040789	TRỊNH MINH THƯ	Nữ	20/03/2002		3	Huyện Tân Phước, Tiền Giang	9.4	9	7.75	0	26.15
109	35005288	TRẦN THỊ MINH HIỀN	Nữ	22/11/2002		2	Thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	9.4	8.5	8	0.25	26.15
110	44008228	VÕ THỊ THANH THỦY	Nữ	11/09/2002		2	Huyện Ba Tri, Bến Tre	9.4	8.25	8.25	0.25	26.15
111	51010407	NGUYỄN BẢO PHÁT	Nam	08/10/2002		2	Thị xã Tân Châu, An Giang	9.4	9	7.5	0.25	26.15
112	53001992	NGUYỄN THIÊN THẢO	Nữ	09/12/2002		2NT	Huyện Cai Lậy, Tiền Giang	9.4	8.25	8	0.5	26.15
113	53007183	NGÔ THÁI HUỲNH	Nữ	13/10/2002		2	Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	8.4	9	8.5	0.25	26.15
114	55005987	HUỲNH HỮU LỘC	Nam	03/12/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	8.75	8	0	26.15
115	55007442	HÀ VŨ NGỌC TRÂM	Nữ	29/09/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	8.5	8.25	0	26.15
116	61001664	HUỲNH MINH NGỌC	Nữ	18/01/2002		2	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	8.4	9	8.5	0.25	26.15
117	61003652	LÊ NGỌC BÍCH TUYỀN	Nữ	22/06/2001		2NT	Huyện Năm Căn, Cà Mau	9.4	7.75	8.5	0.5	26.15
118	02066406	ĐẶNG CÔNG THÀNH	Nam	02/01/2001		2	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	8.6	8.25	9	0.25	26.1
119	43002603	MAI PHƯƠNG NAM	Nữ	28/10/2002		1	Thị xã Phước Long, Bình Phước	8.6	8.25	8.5	0.75	26.1

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
120	50008262	NGUYỄN HUYỀN TRÂM	Nữ	17/06/2002		2NT	Huyện Cái Bè, Tiền Giang	8.6	9	8	0.5	26.1
121	55001441	LƯU ĐỖ THANH XUÂN	Nữ	19/09/2002		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	9.6	8.75	7.75	0	26.1
122	55004727	NGUYỄN NGỌC KHÔI NGUYÊN	Nam	18/03/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	8.6	9	8.5	0	26.1
123	57009118	TRẦN THỊ TUYẾT NHI	Nữ	18/12/2002		1	Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long	8.6	8.75	8	0.75	26.1
124	59000996	QUÁCH TỐ QUYÊN	Nữ	17/04/2002	01	1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	7.6	9.25	6.5	2.75	26.1
125	60002838	LÝ ĐĂNG KHOA	Nam	10/10/2002		1	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	8.6	8.5	8.25	0.75	26.1
126	60004032	LÂM CHÍ KHANH	Nam	21/11/2002	01	1	Huyện Đông Hải, Bạc Liêu	8.6	7.25	7.5	2.75	26.1
127	61000559	LÂM NGỌC YẾN	Nữ	19/08/2002	06	1	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	8.6	8.75	7	1.75	26.1
128	61002172	ĐẶNG HUỲNH THƯ	Nữ	11/05/2002		1	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	8.6	8.5	8.25	0.75	26.1
		ĐIỀU DƯỠNG										
1	58006111	LỮ THỊ NGỌC HUỲNH	Nữ	15/10/2002	01	1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	7.8	8	7.75	2.75	26.3
2	61004177	NGUYỄN NHÃ LINH	Nữ	19/05/2002		1	Huyện Thới Bình, Cà Mau	8.6	7.5	9.25	0.75	26.1
3	51013023	VĂNG THỊ TRÚC MAI	Nữ	04/10/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.8	8.5	8.25	0.5	26.05
4	47002697	VÕ THÀNH CHÂU	Nam	20/04/2002		1	Huyện Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	8.8	8.25	8	0.75	25.8
5	54003280	DANH THẢO VY	Nữ	25/03/2002	01	1	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	8.2	7.75	7	2.75	25.7
6	54001272	NGUYỄN THỊ QUYỀN NHI	Nữ	12/06/2002		1	Huyện An Minh, Kiên Giang	9	8	7.75	0.75	25.5
7	58006958	THẠCH THỊ MINH THƯ	Nữ	09/04/2002	01	1	Huyện Tiểu Cần, Trà Vinh	8	8.25	6.5	2.75	25.5
8	64000122	TRƯƠNG THỊ NGỌC NHƯ	Nữ	29/10/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	9	8.5	7.5	0.5	25.5
9	55005710	NGUYỄN LÊ DUY ANH	Nam	13/01/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.2	8.5	7.75	0	25.45
10	54002991	NGUYỄN NHẬT VÂN ANH	Nữ	18/01/2002	01	1	Huyện Gò Quao, Kiên Giang	7.6	7.75	7.25	2.75	25.35
11	55010237	ĐÀO THỊ HỒNG GẤM	Nữ	15/05/2002		2	Huyện Phong Điền, Cần Thơ	8.6	8.25	8.25	0.25	25.35
12	57006962	HUỲNH THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	18/08/2002		2NT	Huyện Bình Tân, Vĩnh Long	9.6	7.5	7.75	0.5	25.35
13	57008413	LƯU HƯNG THỊNH	Nam	27/07/2002		2NT	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	8.6	8	8.25	0.5	25.35
14	60004091	DƯƠNG THỊ MY	Nữ	15/01/2002		1	Huyện Đông Hải, Bạc Liêu	8.6	8	8	0.75	25.35
15	60005068	NGUYỄN THỊ THÚY DUY	Nữ	09/10/2002		1	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	8.6	8	8	0.75	25.35
16	57007395	NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC	Nữ	20/09/2002		2NT	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	8.2	8.25	8.25	0.5	25.2
17	51013611	NGUYỄN NGỌC MỸ QUYÊN	Nữ	14/11/2002		2NT	Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	8.4	7.5	8.75	0.5	25.15
18	59004043	HỨA HÀ KHỞI	Nam	02/07/2002		1	Huyện Kế Sách, Sóc Trăng	8.4	7.5	8.5	0.75	25.15
19	50000889	TĂNG MINH NGUYỆT	Nữ	08/06/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Đồng Tháp	8.6	8.25	7.75	0.5	25.1
20	51003152	LÊ VŨ YẾN TRINH	Nữ	02/10/2002		2NT	Huyện Thoại Sơn, An Giang	8.6	8	8	0.5	25.1
21	51004726	TRẦN THỊ NHƯ Ý	Nữ	04/10/2002		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	8.6	7.75	8.25	0.5	25.1
22	57005489	NGUYỄN THỊ NGỌC HOA	Nữ	15/03/2002		2NT	Huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long	8.6	8.5	7.5	0.5	25.1
23	59007776	NGUYỄN KHÁNH HIỀN	Nữ	25/08/2002		1	Huyện Kế Sách, Sóc Trăng	8.6	7.75	8	0.75	25.1
24	55003340	ĐẶNG THỊ HUỲNH GIAO	Nữ	16/07/2002		3	Quận Ô Môn, Cần Thơ	8.8	8.25	8	0	25.05
25	55007345	TRẦN THỊ KIM PHƯƠNG	Nữ	18/03/2001		1	Huyện Thạnh Phú, Bến Tre	8.8	8.5	7	0.75	25.05
26	59007804	LÊ DUY HƯNG	Nam	14/02/2002		1	Huyện Kế Sách, Sóc Trăng	8.8	8.25	7.25	0.75	25.05
27	58006329	LÝ THANH HIẾU	Nữ	19/09/2002	01	1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	8	7.5	6.75	2.75	25

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
28	51004089	DƯƠNG THỊ KIM QUYÊN	Nữ	12/03/2002		1	Huyện Thoại Sơn, An Giang	8.2	8.5	7.5	0.75	24.95
29	56003152	ĐỖ THỊ THU UYÊN	Nữ	28/03/2002		2NT	Huyện Chợ Lách, Bến Tre	9.2	8.25	7	0.5	24.95
30	61006336	TRẦN HUỆ THƯ	Nữ	06/03/2002		1	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	8.2	7.5	8.5	0.75	24.95
31	50001111	HÀ NHẬT ÁNH	Nữ	30/07/2002		2NT	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	8.4	8	8	0.5	24.9
32	52010307	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	10/08/2002		1	Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa	8.4	7.75	8	0.75	24.9
33	55006730	NGUYỄN CHÂU YẾN NHI	Nữ	08/09/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.4	8	8.5	0	24.9
34	57008461	NGUYỄN THỊ THÁI TRÂN	Nữ	17/05/2002		1	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	8.4	7.75	8	0.75	24.9
35	64002447	PHẠM QUANG VINH	Nam	29/08/2002		1	Huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang	7.4	8.5	8.25	0.75	24.9
36	51012674	BÙI THỊ KIM NGỌC	Nữ	08/05/2002		2NT	Huyện Phú Tân, An Giang	8.6	7.75	8	0.5	24.85
37	55002475	TRẦN DIỄM QUỲNH	Nữ	12/07/2002		2	Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ	8.6	7.75	8.25	0.25	24.85
38	57007707	ĐOÀN TUYẾT NGÂN	Nữ	13/10/2002		2NT	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	7.6	8.5	8.25	0.5	24.85
39	58006501	LÂM NGỌC TRÂN	Nữ	18/07/2002		1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	8.6	7.75	7.75	0.75	24.85
40	49001533	LƯU THỊ THU NGÂN	Nữ	19/08/2002		2NT	Huyện Tân Thạnh, Long An	8.8	8	7.5	0.5	24.8
41	50010488	LÊ THỊ LỆ HOA	Nữ	11/03/2002		2NT	Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	8.8	8.5	7	0.5	24.8
42	51010374	HUỲNH NGỌC THẢO NGUYÊN	Nữ	22/08/2002		2	Thị xã Tân Châu, An Giang	8.8	8.5	7.25	0.25	24.8
43	53002201	HỒ LÊ YẾN VY	Nữ	12/10/2002		2NT	Huyện Cái Bè, Tiền Giang	8.8	7.75	7.75	0.5	24.8
44	54001781	THỊ NGỌC DIỄM	Nữ	17/05/2001	01	1	Huyện Châu Thành, Kiên Giang	7.8	7	7.25	2.75	24.8
45	55004660	NGUYỄN THẾ LÊ MINH	Nam	03/10/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	8.8	7.75	8.25	0	24.8
46	57003126	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	14/12/2002		2NT	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	8.8	8.25	7.25	0.5	24.8
47	50000757	TRẦN THỊ THU HÀ	Nữ	28/12/2001		2NT	Thành phố Vĩnh Long, Vĩnh Long	8	8.5	7.75	0.5	24.75
48	51008887	CHAU RÍT THI	Nam	22/04/2002	01	1	Huyện Tri Tôn, An Giang	8	7.25	6.75	2.75	24.75
49	55007452	NGUYỄN THỊ DIỄM TRÂN	Nữ	13/09/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8	8.5	8.25	0	24.75
50	57006252	LÊ MINH NHẬT	Nữ	28/06/2002		1	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	9	7	8	0.75	24.75
51	53009219	PHÙNG THANH PHONG	Nam	22/09/2001		2NT	Huyện Chợ Gạo, Tiền Giang	8.2	8	8	0.5	24.7
52	64001832	NGUYỄN LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	04/04/2002		1	Thành phố Ngã Bảy, Hậu Giang	8.2	8.25	7.5	0.75	24.7
53	50000489	TRẦN HOÀI THẮNG	Nam	10/10/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Đồng Tháp	8.4	8	7.75	0.5	24.65
54	50010649	TRƯƠNG KIM NHI	Nữ	25/04/2002		2NT	Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	8.4	8.5	7.25	0.5	24.65
55	58002989	PHẠM MINH THƯ	Nữ	02/07/2002		1	Thị xã Duyên Hải, Trà Vinh	8.4	8.25	7.25	0.75	24.65
56	60002064	TÔ CHẤN VŨ	Nam	20/09/2000		1	Huyện Hòa Bình, Bạc Liêu	7.4	8	8.5	0.75	24.65
57	50010959	NGUYỄN THỊ HỒNG DUY	Nữ	09/03/2002		2NT	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	8.6	7.75	7.75	0.5	24.6
58	54007519	VŨ THỊ TRÂM ANH	Nữ	11/11/2002		2	Thành phố Hà Tiên, Kiên Giang	8.6	7.75	8	0.25	24.6
59	60005258	NGUYỄN THỊ LUYẾN	Nữ	17/01/2002		1	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	8.6	8.25	7	0.75	24.6
60	57003361	HÀNG THỊ NHƯ Ý	Nữ	20/03/2002		2NT	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	8.8	7.75	7.5	0.5	24.55
61	48013057	VŨ THỤY HOÀNG MY	Nữ	27/06/2002		2	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	9	8.25	7	0.25	24.5
62	50001556	PHAN THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	01/09/2002		2NT	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	8	8	8	0.5	24.5
63	53001547	LÊ MAI HÂN	Nữ	19/03/2002		2NT	Huyện Cái Bè, Tiền Giang	8	8.75	7.25	0.5	24.5
64	53001791	TRƯƠNG THỊ NGỌC	Nữ	30/12/2002		2NT	Huyện Cái Bè, Tiền Giang	9	7.5	7.5	0.5	24.5

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
65	64000577	PHẠM NGUYỄN HUỲNH	Nam	28/04/2002		2NT	Huyện Châu Thành A, Hậu Giang	8	8	8	0.5	24.5
66	55003490	NGÔ MINH NHẬT	Nam	15/06/2002		3	Quận Ô Môn, Cần Thơ	8.2	8	8.25	0	24.45
67	55009486	TRẦN CHÚC LINH	Nữ	02/09/2000		1	Huyện Phú Tân, Cà Mau	8.2	8.5	7	0.75	24.45
68	60000245	LÂM THẢO NGUYÊN	Nữ	01/04/2002		2	Huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	9.2	8.25	6.75	0.25	24.45
69	64001760	HUỲNH THỊ NGỌC MY	Nữ	26/11/2002		1	Thành phố Ngã Bảy, Hậu Giang	8.2	8.5	7	0.75	24.45
70	55006969	TRẦN THỊ THẢO VY	Nữ	18/04/2002		3	Huyện Phong Điền, Cần Thơ	8.4	8	8	0	24.4
71	58002158	THẠCH THỊ MỸ LAN	Nữ	03/06/2002	01	1	Huyện Cầu Ngang, Trà Vinh	7.4	6.75	7.5	2.75	24.4
72	64001747	PHẠM THỊ TRÚC LINH	Nữ	08/09/2002		1	Thành phố Ngã Bảy, Hậu Giang	8.4	8	7.25	0.75	24.4
73	50005900	NGUYỄN THIỆN Ý	Nam	03/12/2002		2	Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	8.6	7.75	7.75	0.25	24.35
74	51008666	CHÂU MINH LUÂN	Nam	30/06/2001		1	Huyện Tịnh Biên, An Giang	7.6	8.25	7.75	0.75	24.35
75	51014905	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	Nữ	16/01/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.6	7.75	7.5	0.5	24.35
76	53002137	NGUYỄN VÂN THỦY TRIỀU	Nam	26/03/2002		2NT	Huyện Cái Bè, Tiền Giang	8.6	7.5	7.75	0.5	24.35
77	53006332	NGUYỄN NGỌC PHÚC	Nam	09/08/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Tiền Giang	8.6	8.75	6.5	0.5	24.35
78	64002315	LÊ KIM HOÀN	Nữ	30/11/2001	06	2NT	Huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang	8.6	8	6.25	1.5	24.35
79	64005740	NGUYỄN THỊ CẨM THƠ	Nữ	04/01/2002		1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	8.6	7.75	7.25	0.75	24.35
80	50004447	NGUYỄN DUY KHANH	Nam	03/08/2002		2	Huyện Châu Thành, Đồng Tháp	8.8	7.75	7.5	0.25	24.3
81	51001363	NGUYỄN THỊ CẨM TIÊN	Nữ	24/12/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	7.8	7.75	8.5	0.25	24.3
82	51011011	NGUYỄN THỊ DIỄM AN	Nữ	20/07/2002		2	Thị xã Tân Châu, An Giang	8.8	8	7.25	0.25	24.3
83	55002280	QUÁCH HUỲNH LONG CHẤN	Nam	17/11/2002		2	Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ	8.8	8.25	7	0.25	24.3
84	57005876	NGUYỄN QUỐC THẮNG	Nam	10/04/2002		2NT	Huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long	8.8	8	7	0.5	24.3
85	61000771	NGUYỄN THỊ CHÚC LINH	Nữ	06/02/2002		2NT	Huyện Cái Nước, Cà Mau	8.8	8.25	6.75	0.5	24.3
86	61000879	HỒNG HỮU LÝ	Nam	26/02/2002		1	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	7.8	7.5	8.25	0.75	24.3
		HỘ SINH										
1	52011036	TRẦN NGỌC THY	Nữ	26/09/2002		1	Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa	8.8	8.5	8	0.75	26.05
2	55004890	HUỲNH NGỌC THÌ	Nữ	17/08/1997		2NT	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	8.6	8.5	8	0.5	25.6
3	59003564	TRƯƠNG THỊ DIỄM TRINH	Nữ	25/05/2002		1	Thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	8.6	8.75	7	0.75	25.1
4	55010048	HỒ THU THẢO	Nữ	08/10/2002		2	Huyện Phong Điền, Cần Thơ	8.6	8	8	0.25	24.85
5	55004379	MÃ NGUYỄN THẢO ANH	Nữ	28/07/1998		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.4	8.75	7.5	0	24.65
6	57009627	ĐẶNG THỊ MỸ CHI	Nữ	16/10/2002		2NT	Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long	8.4	7.5	8	0.5	24.4
7	50004946	VÕ HOÀNG PHƯƠNG VY	Nữ	21/01/2002		2	Thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp	8.6	8.25	7	0.25	24.1
8	50004345	NGUYỄN THỊ PHÚ HÀ	Nữ	02/05/2002		2	Thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp	7.8	8.75	7.25	0.25	24.05
9	55007517	VÕ NGUYỄN PHƯƠNG VY	Nữ	01/06/2001		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	7.4	7.5	8.75	0.25	23.9
10	56006388	NGUYỄN THỊ TRÚC PHƯƠNG	Nữ	04/07/2002		1	Huyện Thạnh Phú, Bến Tre	8.4	7	7.75	0.75	23.9
11	55002040	LỮ THỊ NGỌC MAI	Nữ	11/11/2002		2	Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ	8.6	7.5	7.5	0.25	23.85
12	54011873	PHAN NHƯ NGỌC	Nữ	22/12/1996		1	Huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang	7.4	8.25	7.25	0.75	23.65
13	55007104	TRẦN THỊ CHÂU GIANG	Nữ	04/03/2001		2	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	8.4	7.5	7.5	0.25	23.65
14	61008869	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	29/06/2002		2NT	Huyện Ngọc Hiển, Cà Mau	8.4	7.25	7.5	0.5	23.65

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
15	57007237	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	Nữ	28/11/2002		2NT	Huyện Bình Tân, Vĩnh Long	7.6	8	7.5	0.5	23.6
16	50011004	NGUYỄN THỊ MINH KHUÊ	Nữ	15/02/2002		2NT	Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	7.8	8.25	7	0.5	23.55
17	51008526	PHAN THỊ NGỌC DIỄM	Nữ	25/03/2002		1	Huyện Tri Tôn, An Giang	7.8	7.5	7.5	0.75	23.55
18	55006571	NGUYỄN NGỌC HẰNG	Nữ	17/01/2002		3	Quận Cái Răng, Cần Thơ	8	7.75	7.75	0	23.5
19	59000062	PHẠM NGỌC ÁI DUY	Nữ	05/09/2002		1	Huyện Châu Thành, Sóc Trăng	8.2	6.75	7.75	0.75	23.45
20	54011924	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	Nữ	10/09/1993		1	Huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	8.6	7.5	6.5	0.75	23.35
21	64005749	NGUYỄN LÊ ANH THƯ	Nữ	03/11/2002		1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	7.6	7.5	7.5	0.75	23.35
22	53005771	PHẠM THỊ KIM THOA	Nữ	01/01/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Tiền Giang	8	7.5	7.25	0.5	23.25
23	51004245	PHAN THỊ NGỌC DUYÊN	Nữ	27/05/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	7.8	7.25	7.5	0.5	23.05
24	53003538	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	20/07/2002		2	Huyện Cai Lậy, Tiền Giang	8.8	7.75	6.25	0.25	23.05
25	61006911	LƯU THÚY QUYÊN	Nữ	21/09/2002		2NT	Huyện Cái Nước, Cà Mau	7.8	7.5	7.25	0.5	23.05
26	57003285	NGUYỄN THỊ QUẾ TRÂN	Nữ	08/07/2002		2NT	Huyện Mang Thít, Vĩnh Long	8	7.25	7.25	0.5	23
27	51003042	PHAN THỊ THẢO QUYÊN	Nữ	18/06/2002		2NT	Huyện Thoại Sơn, An Giang	8.2	7.25	7	0.5	22.95
28	51006093	NGÔ THỊ THANH NGÂN	Nữ	17/07/2002		2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	7.2	8.75	6.5	0.5	22.95
29	64001766	NGUYỄN THỊ NGỌC NGÀ	Nữ	24/07/2002		1	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	7.2	8.25	6.75	0.75	22.95
30	61009126	VÕ THỊ TƯỜNG VI	Nữ	27/03/2002		1	Huyện Ngọc Hiển, Cà Mau	8.4	7.25	6.5	0.75	22.9
31	64000020	PHAN NGỌC DÀNG	Nữ	06/04/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	8.4	8	6	0.5	22.9
32	61006799	NGUYỄN QUỲNH NGỌC	Nữ	26/08/2002		1	Huyện Cái Nước, Cà Mau	7.6	8	6.5	0.75	22.85
33	54007160	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	Nữ	21/02/2002		2	Huyện Châu Thành, Kiên Giang	7.8	7.5	7.25	0.25	22.8
34	59001887	LÝ NGUYỄN DIỄM TUYỀN	Nữ	14/01/2001	01	1	Huyện Châu Thành, Sóc Trăng	7	6.75	6.25	2.75	22.75
35	61009559	NGUYỄN THỊ THẢO DUY	Nữ	15/06/2002		2NT	Huyện Phú Tân, Cà Mau	7.6	7.25	7.25	0.5	22.6
36	53010982	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	14/12/2002		2NT	Huyện Gò Công Tây, Tiền Giang	7.8	8.5	5.75	0.5	22.55
37	57004486	TRẦN NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	20/05/2001		2NT	Huyện Mang Thít, Vĩnh Long	7.2	6.75	8	0.5	22.45
38	49004909	NGUYỄN THỊ HỒNG THẮM	Nữ	26/02/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Long An	8.4	7.25	6.25	0.5	22.4
39	48020315	TRẦN CHÍ THÀNH	Nam	17/08/2002		2	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	7.8	7.25	7	0.25	22.3
40	55004879	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	10/09/1993		1	Huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang	8	7	6.5	0.75	22.25
41	59006668	TẠ THỊ THU YẾN	Nữ	03/11/2002		1	Huyện Châu Thành, Sóc Trăng	8	7.25	6.25	0.75	22.25
42	46002522	TRẦN THỊ CẨM TIÊN	Nữ	21/10/2002		2NT	Huyện Tân Biên, Tây Ninh	7.2	8.5	6	0.5	22.2
43	59001581	HUỲNH ANH MINH	Nữ	02/03/2000	01	1	Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	7.2	6.75	5.5	2.75	22.2
44	59006390	CAO THỊ HUỆ TRÂN	Nữ	26/08/2002		1	Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	7.6	8.25	5.5	0.75	22.1
45	51006099	LA THẢO NGỌC	Nữ	19/04/2002		2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	7.8	7.75	6	0.5	22.05
46	52006207	NGUYỄN THỊ THANH NGA	Nữ	21/02/2002		2NT	Huyện Đất Đỏ, Bà Rịa	7.8	7.75	6	0.5	22.05
47	52007745	ĐINH THỊ THU TRANG	Nữ	20/10/2002		2	Thị xã Phú Mỹ (H.Tân Thành), Bà Rịa	8	7.5	6.25	0.25	22
		RĂNG HÀM MẶT										
1	60000115	HUỲNH GIA HUY	Nam	12/03/2002	01	1	Thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu	8.8	8.75	9.5	2.75	29.8
2	64005710	LÊ TRẦN MỘNG THÁI	Nữ	09/09/2002		1	Huyện Vị Thủy, Hậu Giang	9.6	9.25	9.25	0.75	28.85
3	55006708	NGÔ THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	18/09/2001		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	9.4	9.5	9.75	0	28.65

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
4	55009513	LÊ THANH NGÂN	Nữ	19/05/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.6	9	10	0	28.6
5	54011988	TRẦN THANH SƠN	Nam	21/03/2002		1	Huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang	9.2	9	9.5	0.75	28.45
6	55004365	HUỲNH THỊ LINH AN	Nữ	14/04/1997		2NT	Huyện Mang Thít, Vĩnh Long	9.2	9.25	9.25	0.5	28.2
7	60005103	TRẦN TUẤN ĐỨC	Nam	29/11/2002		2NT	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	9.8	9	8.75	0.5	28.05
8	55004440	LÊ NGUYỄN HẢI DUY	Nam	27/03/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	9.4	9.75	8.75	0	27.9
9	55009637	LÊ THỊ CẨM TIÊN	Nữ	16/01/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	9.25	9.25	0	27.9
10	02057442	QUÁCH HƯNG LONG	Nam	14/09/1992	01	1	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	8.8	8.5	7.75	2.75	27.8
11	55010540	BÙI THỊ DIỆU LINH	Nữ	28/05/2000		2	Thành phố Ngã Bảy, Hậu Giang	9.2	9	9.25	0.25	27.7
12	57001393	LƯU HOÀNG MINH ANH	Nữ	03/10/2002		2	Thành phố Vĩnh Long, Vĩnh Long	9.2	9.25	9	0.25	27.7
13	50010558	NGUYỄN MINH LUÂN	Nam	25/01/2002		2NT	Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	9.4	9.5	8.25	0.5	27.65
14	51010328	PHAN THÀNH LỢI	Nam	19/11/2002		2	Thị xã Tân Châu, An Giang	9	9.5	8.75	0.25	27.5
15	55010648	PHAN NGUYỄN HẢI TRÂN	Nữ	16/07/2002		3	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	9	9.25	9.25	0	27.5
16	61008902	TRẦN TUYẾT NHƯ	Nữ	25/10/2002		2NT	Huyện Năm Căn, Cà Mau	9	9.25	8.75	0.5	27.5
17	55004475	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	25/03/1997		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	9.2	8.75	9	0.5	27.45
18	58007002	THẠCH THỊ THANH TUYỀN	Nữ	17/12/2002	01	1	Huyện Tiểu Cần, Trà Vinh	9.2	7.5	8	2.75	27.45
19	45001051	LÝ NGUYỄN HOÀI AN	Nữ	07/09/2001	01	2NT	Huyện Ninh Hải, Ninh Thuận	8.4	8.25	8.25	2.5	27.4
20	43006867	HOÀNG THỊ MỸ HIỀN	Nữ	10/05/2001	01	1	Huyện Bù Đốp, Bình Phước	8.6	8	8	2.75	27.35
21	53008627	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	27/10/2002		2	Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	8.6	9	9.5	0.25	27.35
22	59000170	ĐỖ PHI LONG	Nam	04/04/2002		1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	9.6	9.25	7.75	0.75	27.35
23	58002606	NGUYỄN THÁI BÌNH	Nam	08/12/2002		2	Thành phố Trà Vinh, Trà Vinh	8.8	9.25	9	0.25	27.3
24	02073579	PHẠM HẢI TRÌNH	Nam	22/09/2002		1	Huyện Tân Phú, Đồng Nai	9.2	9.25	8	0.75	27.2
25	47007957	LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG	Nữ	23/06/2002		1	Huyện Đức Linh, Bình Thuận	9.2	8.5	8.75	0.75	27.2
26	55008599	LÊ TRƯƠNG KIM NGÂN	Nữ	29/04/2001		2NT	Huyện Càng Long, Trà Vinh	9.2	9.25	8.25	0.5	27.2
27	55010513	ÂU NHẬT HUY	Nam	11/04/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.2	9.25	8.75	0	27.2
28	56007962	TRƯƠNG THỊ TÂM NHƯ	Nữ	14/06/2002		1	Huyện Giồng Trôm, Bến Tre	9.2	8.75	8.5	0.75	27.2
29	42012187	QUÁCH MẠNH LINH	Nam	27/09/2002		1	Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng	8.4	9	9	0.75	27.15
30	54005143	PHẠM ĐỖ HOÀNG	Nam	16/06/2002	01	1	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	8.4	8.75	7.25	2.75	27.15
31	55009571	NGUYỄN HẢI YẾN PHƯƠNG	Nữ	31/01/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	9.5	8.25	0	27.15
32	55010450	ĐẶNG THẾ THIÊN ANH	Nữ	20/08/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	8.75	9	0	27.15
33	58000215	TRƯƠNG HOÀN MỸ	Nữ	31/05/2002		2NT	Huyện Càng Long, Trà Vinh	9.4	8.5	8.75	0.5	27.15
34	37001102	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUYÊN	Nữ	05/08/2001		2NT	Huyện Hoài Ân, Bình Định	8.6	8.5	9.5	0.5	27.1
35	58007117	LÊ NGỌC THANH NGÂN	Nữ	15/01/2002		1	Huyện Tiểu Cần, Trà Vinh	9.6	7.75	9	0.75	27.1
36	61001291	NGUYỄN TRỌNG TẤN	Nam	24/09/2002		2	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9.6	9	8.25	0.25	27.1
37	02072467	HUỲNH THỊ YẾN KHA	Nữ	15/11/2001		2	TX Đông Hòa, Phú Yên	9	8.75	9	0.25	27
38	37008346	HUỲNH KIM TUẤN	Nam	08/11/2002		2NT	Huyện Tây Sơn, Bình Định	9	9	8.5	0.5	27
39	46005013	VÕ THỊ TUYẾT HÂN	Nữ	27/01/2002		2NT	Huyện Gò Dầu, Tây Ninh	9	8.5	9	0.5	27
40	48014644	VŨ HOÀNG THẢO NGUYÊN	Nữ	05/11/2002		1	Huyện Định Quán, Đồng Nai	9	8.5	8.75	0.75	27

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
41	38011295	HUỲNH THỊ KIM NGÂN	Nữ	09/06/2002		1	Huyện Đak Pơ, Gia Lai	9.2	8.25	8.75	0.75	26.95
42	38011445	PHƯƠNG ĐẶNG HỒNG VÂN	Nữ	07/07/2002		1	Thị xã An Khê, Gia Lai	9.2	8	9	0.75	26.95
43	41012877	HỒ BỬU PHÚC	Nam	08/01/2002		2NT	Huyện Gò Công Tây, Tiền Giang	9.2	8.25	9	0.5	26.95
44	46000939	TRỊNH HOÀNG LONG	Nữ	06/01/2002		2	Thành phố Tây Ninh, Tây Ninh	9.2	9	8.5	0.25	26.95
45	53009408	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	Nam	10/09/2002		2NT	Huyện Chợ Gạo, Tiền Giang	9.2	9.25	8	0.5	26.95
46	56001105	LÊ SONG AN	Nữ	07/01/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Bến Tre	8.2	8.5	9.75	0.5	26.95
47	61001364	LÊ THANH THẢO	Nữ	13/04/2002		2	Huyện Ngọc Hiển, Cà Mau	9.2	8.75	8.75	0.25	26.95
48	44001807	TÔ NGỌC VÂN	Nữ	23/05/2002		2	Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	8.4	9	9.25	0.25	26.9
49	48015180	CAO THỊ YẾN NHI	Nữ	03/10/2001		1	Huyện Xuân Lộc, Đồng Nai	9.4	7.75	9	0.75	26.9
50	49004402	LÊ MINH THƯ	Nữ	18/07/2002		2	Thành phố Tân An, Long An	9.4	9.25	8	0.25	26.9
51	55009517	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	07/06/2002		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	9.4	8.75	8.75	0	26.9
52	56009795	LÊ BẢO HÂN	Nữ	08/08/2002		2	Huyện Mỏ Cày Nam, Bến Tre	8.4	9.25	9	0.25	26.9
53	60003372	LÊ PHỤNG NHƯ	Nữ	18/01/2002		2	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	8.4	9.5	8.75	0.25	26.9
54	60003405	QUÁCH HƯNG PHÚ	Nam	01/11/2002	01	1	Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	8.4	7.25	8.5	2.75	26.9
55	43004753	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	16/03/2001		1	Huyện Bù Đăng, Bình Phước	8.6	8.25	9.25	0.75	26.85
56	51005665	LỮ THỊ TUYẾT MAI	Nữ	24/11/2002		2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	9.6	8.5	8.25	0.5	26.85
57	55002241	LÊ KHẢI VINH	Nam	15/07/2002		2	Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ	9.6	8.75	8.25	0.25	26.85
58	55004843	TRẦN THÁI HỮU TÀI	Nam	16/03/2001		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.6	8.5	9.25	0.5	26.85
59	55005045	HUỲNH NGỌC NHƯ Ý	Nữ	30/10/2000		1	Huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	8.6	8.25	9.25	0.75	26.85
60	55008383	HỒ QUANG TUẤN	Nam	20/03/2001		2NT	Huyện Phú Tân, An Giang	9.6	8.5	8.25	0.5	26.85
61	55009329	NGUYỄN THỊ HÀ XUYÊN	Nữ	25/12/2002		3	Quận Cái Răng, Cần Thơ	9.6	8.5	8.75	0	26.85
62	57004209	LÊ HỮU THIỆN	Nam	27/09/2002		2NT	Huyện Mang Thít, Vĩnh Long	8.6	9	8.75	0.5	26.85
63	58003043	HUỲNH MINH TRIẾT	Nam	19/11/2002		2	Huyện Châu Thành, Trà Vinh	8.6	9	9	0.25	26.85
64	59000179	LÝ MINH LUÂN	Nam	19/02/2002		1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	8.6	8.25	9.25	0.75	26.85
65	59000422	NGUYỄN LÊ NGUYÊN VY	Nữ	09/03/2002		1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	8.6	8.25	9.25	0.75	26.85
66	64001919	BÙI MINH TRIỆU	Nam	22/09/2002		1	Thành phố Ngã Bảy, Hậu Giang	9.6	9	7.5	0.75	26.85
67	02028816	NGUYỄN VĂN LỘC	Nam	08/12/2002		3	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	8.8	9.25	8.75	0	26.8
68	02040364	NGUYỄN CAO KỲ ÂN	Nam	17/01/2002		3	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	8.8	9.25	8.75	0	26.8
69	34009202	LÊ HÙNG	Nam	11/12/2002		2	Huyện Núi Thành, Quảng Nam	8.8	8.5	9.25	0.25	26.8
70	42001786	HỒ THANH TÀI	Nam	20/07/2002		1	Huyện Đức Trọng, Lâm Đồng	8.8	9.25	8	0.75	26.8
71	42004619	PHÙNG THỊ HOA	Nữ	14/09/2002		1	Huyện Đức Trọng, Lâm Đồng	8.8	8.25	9	0.75	26.8
72	48008884	NGUYỄN ĐÌNH NAM HƯNG	Nam	20/05/2001		2	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	8.8	9	8.75	0.25	26.8
73	54000222	THỊ YẾN LINH	Nữ	10/04/2002	01	1	Huyện An Biên, Kiên Giang	8.8	9	6.25	2.75	26.8
74	54005491	NGUYỄN TẠ MINH TRÍ	Nam	05/12/2001		2NT	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	8.8	8.75	8.75	0.5	26.8
75	55003592	NGÔ PHƯƠNG THÙY	Nữ	07/11/2002		3	Quận Ô Môn, Cần Thơ	8.8	9.25	8.75	0	26.8
76	55008116	LÊ QUỐC BÌNH	Nam	02/12/2001		1	Huyện Tịnh Biên, An Giang	8.8	8.5	8.75	0.75	26.8
77	56006882	PHẠM TRẦN ĐỨC HUY	Nam	21/06/2001		2NT	Huyện Giồng Trôm, Bến Tre	8.8	9	8.5	0.5	26.8

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
78	56008404	HUỲNH THỊ DIỄM TRINH	Nữ	19/03/2002		2NT	Huyện Ba Tri, Bến Tre	8.8	9.25	8.25	0.5	26.8
79	56009942	CAO THANH PHƯƠNG	Nữ	16/09/2002		2	Thành phố Bến Tre, Bến Tre	8.8	9.5	8.25	0.25	26.8
80	58002778	TRƯƠNG TẤN LỘC	Nam	14/03/2002		2	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	8.8	9	8.75	0.25	26.8
81	59006272	VĂN NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	11/04/2002		1	Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	8.8	8.5	8.75	0.75	26.8
82	02028968	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	05/09/2002		3	Thị Xã Buôn Hồ, Đắk Lắk	9	9.25	8.5	0	26.75
83	37015031	ĐỖ LÊ MỸ QUỲNH	Nữ	10/01/2002		2NT	Huyện Hoài Nhơn, Bình Định	9	8.75	8.5	0.5	26.75
84	48003977	NGUYỄN VÕ AN DƯƠNG	Nam	23/12/2002		2NT	Huyện Long Thành, Đồng Nai	9	8.75	8.5	0.5	26.75
85	48020959	LÊ VĂN THẮNG	Nam	02/11/2001		2	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	9	9	8.5	0.25	26.75
86	49003031	HUỲNH ĐOÀN TẤN BẢO	Nam	30/05/2002		2	Thành phố Tân An, Long An	9	8.75	8.75	0.25	26.75
87	50001748	NGUYỄN TẤN LÊN	Nam	16/07/2002		2NT	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	9	9.25	8	0.5	26.75
88	50002275	NGUYỄN TRỌNG DUY	Nam	17/04/2002		2NT	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	9	8.25	9	0.5	26.75
89	50003474	PHẠM NGUYỄN LAN TRINH	Nữ	10/06/2002		2NT	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	9	8.5	8.75	0.5	26.75
90	50003750	ĐẶNG THỊ ANH KIM	Nữ	24/03/2002		2	Huyện Châu Thành, Đồng Tháp	9	9	8.5	0.25	26.75
91	50011562	TRỊNH NGỌC THẢO	Nữ	29/05/2002		2	Thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp	9	8.75	8.75	0.25	26.75
92	51004482	HỒ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	23/03/2002		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	9	8.25	9	0.5	26.75
93	51005285	ĐINH TUẤN KIỆT	Nam	15/10/2002		1	Huyện Châu Phú, An Giang	9	8.75	8.25	0.75	26.75
94	51013399	LỮ THỊ MỘNG KHA	Nữ	18/08/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	9	8.25	9	0.5	26.75
95	53008886	THÁI TRỌNG TÍN	Nam	04/04/2002		2	Huyện Cai Lậy, Tiền Giang	8	9.25	9.25	0.25	26.75
96	55004513	NGUYỄN VĂN HẬU	Nam	17/05/2001		2	Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ	9	9	8.5	0.25	26.75
97	55004921	HUỲNH HOÀNG THƯƠNG	Nam	20/06/2001		3	Huyện Châu Thành A, Hậu Giang	9	9.25	8.5	0	26.75
98	55008297	TRẦN THỊ BÍCH PHƯỢNG	Nữ	30/04/2001		2	Huyện Cẩm Mỹ, Đồng Nai	9	8.75	8.75	0.25	26.75
99	55008440	TRỪ NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	Nam	07/08/2001		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	9	8.75	8.75	0.25	26.75
100	55009749	NGUYỄN HOÀNG DIỄN	Nam	03/02/2002		2	Huyện Châu Thành A, Hậu Giang	9	9.25	8.25	0.25	26.75
101	56009800	DƯƠNG TRỌNG HẬU	Nam	18/07/2002		2	Huyện Giồng Trôm, Bến Tre	9	8.75	8.75	0.25	26.75
102	57005746	LÊ ĐỨC DUY	Nam	07/09/2002		2NT	Huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long	9	8.75	8.5	0.5	26.75
103	57005953	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	09/04/2002		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	9	9	8.5	0.25	26.75
104	60005223	TĂNG BẢO LÂM	Nam	06/06/2002	01	1	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	8	7.75	8.25	2.75	26.75
105	61001347	DƯ THỊ NGỌC THẢO	Nữ	24/04/2002		2	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	9	8.75	8.75	0.25	26.75
106	61007709	HUỲNH HỒNG NHƯ	Nữ	22/11/2002		1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9	7.75	9.25	0.75	26.75
		KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC										
1	60005010	QUÁCH THÁI BÃO	Nam	12/11/2002		1	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	9.2	8.75	8	0.75	26.7
2	50008582	NGUYỄN PHÚC KIẾN	Nam	21/02/2002		2NT	Huyện Tân Thạnh, Long An	8.4	8.5	9.25	0.5	26.65
3	55010458	NGUYỄN QUỐC ANH	Nam	05/04/2001		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	8.6	9	8.5	0.5	26.6
4	51009298	LÊ THỊ KIM XUYẾN	Nữ	22/11/2002		1	Huyện Tri Tôn, An Giang	8.8	8.25	8.75	0.75	26.55
5	54003224	DANH THÔNG	Nam	15/02/2002	06	2NT	Huyện Châu Thành, Kiên Giang	8.8	8.75	7.5	1.5	26.55
6	54006935	LÊ VŨ BẰNG	Nam	11/04/2002		2	Huyện Châu Thành, Kiên Giang	8.8	9.5	8	0.25	26.55
7	58002675	HUỲNH THỊ MỸ HẠNH	Nữ	12/09/2002		2	Thành phố Trà Vinh, Trà Vinh	8.8	9	8.5	0.25	26.55

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
8	55008312	TRẦN MINH SÁNG	Nam	29/04/2001		2NT	Huyện Phú Tân, An Giang	9	8.25	8.75	0.5	26.5
9	55009572	NGUYỄN HUỲNH BẢO PHƯƠNG	Nữ	09/11/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9	8.5	9	0	26.5
10	55006310	VÕ NGỌC MINH THƯ	Nữ	03/11/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.4	8.25	8.75	0	26.4
11	64004052	THỊ NGỌC CẨM	Nữ	16/10/2002	01	1	Huyện Long Mỹ, Hậu Giang	7.4	8	8.25	2.75	26.4
12	55008318	ĐỖ NHỰT TÂN	Nam	08/08/2000		1	Huyện Phước Long, Bạc Liêu	8.6	8.25	8.75	0.75	26.35
13	57008405	DIỆP NHƯ THẢO	Nữ	16/10/2002		2NT	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	8.6	8.75	8.5	0.5	26.35
14	56002739	ĐÀO TIỂU VY	Nữ	26/07/2002		2NT	Huyện Chợ Lách, Bến Tre	8.8	8.75	8.25	0.5	26.3
15	58002960	TRƯƠNG THỊ LỆ THANH	Nữ	21/02/2002		2	Thành phố Trà Vinh, Trà Vinh	8.2	8.75	9	0.25	26.2
16	59000113	HUỲNH QUỐC HUY	Nam	28/04/2002	01	1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	8.4	7.75	7.25	2.75	26.15
17	51002844	VÕ THỊ HỒNG HÀ	Nữ	14/04/2002		2NT	Huyện Thoại Sơn, An Giang	8.6	9	8	0.5	26.1
18	51003624	NGUYỄN THÀNH KHA	Nam	19/01/2002		2NT	Huyện Thoại Sơn, An Giang	8.8	8.25	8.5	0.5	26.05
19	53005830	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	04/06/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Tiền Giang	8.8	8.25	8.5	0.5	26.05
20	55009775	NGUYỄN LÂM HƯƠNG ĐANG	Nữ	28/08/2002		2	Huyện Phong Điền, Cần Thơ	8.8	8.75	8.25	0.25	26.05
21	64003735	NGUYỄN THỊ THANH NHANH	Nữ	18/08/2002		2	Huyện Long Mỹ, Hậu Giang	8.8	9.25	7.75	0.25	26.05
22	47002093	ĐẶNG NỮ HUỆ VĂN	Nữ	02/03/2002	01	1	Huyện Bắc Bình, Bình Thuận	8	7.75	7.5	2.75	26
23	51001426	VÕ THANH TRỌNG	Nam	25/07/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	9	8.75	8	0.25	26
24	55006336	BÙI PHƯƠNG TRANG	Nữ	02/12/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9	9	8	0	26
25	58002159	TĂNG THỊ THẢO LANG	Nữ	23/11/2001	01	1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	8	7.5	7.75	2.75	26
26	60003683	LÊ HUYỀN LINH	Nữ	01/01/2002		1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9	8.75	7.5	0.75	26
27	61002181	MẠC ANH THƯ	Nữ	16/06/2002		2	Huyện Cái Nước, Cà Mau	9	9.25	7.5	0.25	26
28	61007539	NGUYỄN TRIỀU MY	Nữ	12/08/2002		1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	9	8.75	7.5	0.75	26
29	51004496	HỒ TẤN PHÁT	Nam	28/01/2002		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	9.2	7.25	9	0.5	25.95
30	51012889	ĐOÀN VĂN CẢNH	Nam	15/12/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.2	8	9.25	0.5	25.95
31	55000716	LÊ HOÀNG THÂN	Nam	03/09/2002		2	Huyện Vĩnh Thạnh, Cần Thơ	9.2	8	8.5	0.25	25.95
32	55006151	TRƯƠNG NGỌC TIỂU PHỤNG	Nữ	30/04/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.2	8.5	8.25	0	25.95
33	56002197	LÊ THỊ NGỌC VÂN	Nữ	21/09/2002		2NT	Huyện Châu Thành, Bến Tre	9.2	8.25	8	0.5	25.95
34	57007056	BÙI VĂN MINH	Nam	22/08/2002		2NT	Huyện Bình Tân, Vĩnh Long	9.2	8.25	8	0.5	25.95
35	55007360	NGÔ DIỄM QUỲNH	Nữ	24/10/2001		2	Huyện Phong Điền, Cần Thơ	8.4	8.25	9	0.25	25.9
36	60000559	TRẦN NGỌC CHI	Nữ	27/02/2001		1	Huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	8.4	8.5	8.25	0.75	25.9
37	64003994	HUỲNH TRẦN KIM TUYỀN	Nữ	09/12/2002		2	Huyện Long Mỹ, Hậu Giang	8.4	8.25	9	0.25	25.9
38	50004342	HUỲNH NGỌC THIÊN HÀ	Nữ	11/12/2002		2	Thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp	8.6	9	8	0.25	25.85
39	50008218	NGUYỄN HUỲNH BẢO THUY	Nữ	01/11/2002		2NT	Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	8.6	8	8.75	0.5	25.85
40	51005365	NGUYỄN THỊ DIỆU OANH	Nữ	29/10/2002		1	Huyện Châu Phú, An Giang	8.6	9	7.5	0.75	25.85
41	51013901	PHAN TẤN LỘC	Nam	19/02/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.6	8.5	8.25	0.5	25.85
42	55007028	NGUYỄN NHƯ BĂNG	Nữ	27/10/2001		1	Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	8.6	8.25	8.25	0.75	25.85
43	57005955	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	Nữ	23/04/2002		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	8.6	8.75	8.25	0.25	25.85
44	59003186	LÊ HOÀNG KHẢI	Nam	22/02/2002		1	Thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	8.6	8.5	8	0.75	25.85

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
45	61000624	DƯƠNG THẢO KHUYÊN	Nữ	12/07/2002		1	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	8.6	8.25	8.25	0.75	25.85
46	54005254	PHÙNG THỊ THẢO MY	Nữ	17/08/2002		2NT	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	8.8	8.25	8.25	0.5	25.8
47	55004646	NGUYỄN TẤN LỰC	Nam	28/12/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	8.8	9	8	0	25.8
48	61000174	DIỆP CHẤN HƯNG	Nam	10/10/2002		2	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	8.8	8.75	8	0.25	25.8
49	61004615	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	09/04/2002		1	Huyện Thới Bình, Cà Mau	8.8	8.25	8	0.75	25.8
50	51005722	NGÔ THỊ TUYẾT NHI	Nữ	09/06/2002		2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	9	8.5	7.75	0.5	25.75
51	61000339	TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG	Nam	04/06/2002		1	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	9	8.25	7.75	0.75	25.75
52	61002618	NGUYỄN THẢO ANH	Nữ	29/10/2002		2	Huyện Thới Bình, Cà Mau	9	8.75	7.75	0.25	25.75
53	51008540	NGUYỄN QUỐC DUY	Nam	26/01/2002		1	Huyện Tri Tôn, An Giang	8.2	8.5	8.25	0.75	25.7
54	53001742	ĐẶNG THANH NGÂN	Nữ	13/07/2002		2NT	Huyện Cái Bè, Tiền Giang	9.2	8.25	7.75	0.5	25.7
55	55001660	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	02/05/2002		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	9.2	8.25	8.25	0	25.7
56	56009087	PHAN THỊ HUYỀN PHƯƠNG	Nữ	16/04/2002		2NT	Huyện Ba Tri, Bến Tre	9.2	8.75	7.25	0.5	25.7
57	57007819	THẠCH MAI HỒNG THẮNG	Nam	06/12/2002	01	1	Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	8.4	7	7.5	2.75	25.65
58	59000279	NGUYỄN THÚY PHƯỢNG	Nữ	03/10/2002		1	Huyện Châu Thành, Sóc Trăng	8.4	7.75	8.75	0.75	25.65
59	61008614	TRANG NGUYỄN THANH ĐÔNG	Nam	27/08/2002		2NT	Huyện Năm Căn, Cà Mau	8.4	8.5	8.25	0.5	25.65
60	64001185	TIÊU THỊ THỦY TIÊN	Nữ	27/08/2002		1	Huyện Châu Thành, Hậu Giang	8.4	8.25	8.25	0.75	25.65
61	50008728	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	16/09/2002		2NT	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	8.6	7.75	8.75	0.5	25.6
62	51000103	DƯƠNG DOANH DUYỆT	Nam	24/08/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	8.6	8.5	8.25	0.25	25.6
63	59002086	TRÀ HUỲNH SA MINH	Nam	04/10/2002	01	1	Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	8.6	7	7.25	2.75	25.6
64	51003504	HUỲNH HỬU ANH	Nam	08/04/2002		2NT	Huyện Thoại Sơn, An Giang	8.8	8.25	8	0.5	25.55
65	55006144	NGUYỄN QUANG PHÚC	Nam	04/07/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.8	8.75	8	0	25.55
66	55009242	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	Nữ	21/08/2002		3	Quận Cái Răng, Cần Thơ	8.8	7.75	9	0	25.55
67	57006215	NGUYỄN THANH NGÂN	Nữ	15/02/2002		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	8.8	8.5	8	0.25	25.55
68	57006495	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	23/07/2002		2	Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	8.8	8.75	7.75	0.25	25.55
69	59004693	VÕ MINH TÂM	Nam	12/03/2002		1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	8.8	8.5	7.5	0.75	25.55
70	60000314	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	Nữ	19/08/2002		2	Thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu	8.8	8.5	8	0.25	25.55
71	64005604	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÂN	Nữ	10/11/2002		1	Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	8.8	8	8	0.75	25.55
72	49001623	LÊ NGUYỄN SONY	Nữ	21/07/2002		2NT	Huyện Tân Thạnh, Long An	9	8	8	0.5	25.5
73	50010869	LÊ THỊ LAN TƯỜNG	Nữ	30/04/2002		2NT	Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	9	8	8	0.5	25.5
74	51006517	ĐỖ DƯƠNG TƯỜNG	Nam	29/08/2002		2NT	Huyện Châu Phú, An Giang	8	8.75	8.25	0.5	25.5
75	51009943	DƯƠNG TUYẾT NHI	Nữ	27/09/2002		1	Huyện An Phú, An Giang	9	8.25	7.5	0.75	25.5
76	55006691	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG NGÂN	Nữ	02/06/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9	8.25	8.25	0	25.5
77	55009441	PHẠM THỊ MINH HUỆ	Nữ	04/05/2002		3	Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long	9	7.75	8.75	0	25.5
78	56006294	NGUYỄN THANH NGÂN	Nữ	12/10/2002		1	Huyện Thạnh Phú, Bến Tre	9	8.5	7.25	0.75	25.5
79	58002372	THẠCH THỊ SUN THA RY	Nữ	28/04/2002	01	1	Thành phố Trà Vinh, Trà Vinh	8	7.5	7.25	2.75	25.5
80	51000616	HUỲNH ANH THƯ	Nữ	07/11/2002		2	Thành phố Long Xuyên, An Giang	8.2	9	8	0.25	25.45
81	51004254	CAO THÀNH ĐẠT	Nam	24/06/2002		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	9.2	7.75	8	0.5	25.45

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
82	55005964	LÊ NGUYỄN THIÊN KIM	Nữ	16/11/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	9.2	7.75	8.5	0	25.45
83	55010065	TRƯƠNG THỊ KIM THOA	Nữ	13/08/2002		2	Huyện Phong Điền, Cần Thơ	9.2	8.75	7.25	0.25	25.45
84	59006727	LÂM LƯƠNG ANH DUY	Nam	09/01/2002	01	1	Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	8.2	7.25	7.25	2.75	25.45
85	60000228	SƠN HIẾU NGHĨA	Nam	22/12/2002	06	2	Huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	9.2	7.5	7.5	1.25	25.45
86	49001330	ĐOÀN THỊ KIM NGÂN	Nữ	20/12/2002		1	Huyện Mộc Hóa, Long An	8.4	8	8.25	0.75	25.4
87	50004251	NGUYỄN NHƯ BĂNG	Nữ	12/09/2002		2	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	8.4	8.25	8.5	0.25	25.4
88	51003852	PHAN THỊ MỸ TRÀ	Nữ	02/05/2002	01	2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	7.4	8.25	7.25	2.5	25.4
89	56002590	LÊ QUANG SANG	Nam	20/07/2002		2NT	Huyện Chợ Lách, Bến Tre	9.4	8	7.5	0.5	25.4
90	57001889	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	18/07/2002		2	Thành phố Vĩnh Long, Vĩnh Long	8.4	9.25	7.5	0.25	25.4
91	59001741	KIM NGỌC THÁI	Nữ	16/01/2001	01	1	Huyện Trần Đề, Sóc Trăng	8.4	7.25	7	2.75	25.4
92	64001874	TRƯƠNG THỊ CẨM THU	Nữ	09/02/2002		1	Thành phố Ngã Bảy, Hậu Giang	8.4	7.75	8.5	0.75	25.4
93	50004798	NGUYỄN TRẦN ANH THƯ	Nữ	26/09/2002		2	Thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp	8.6	8.5	8	0.25	25.35
94	53003617	LƯU NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	04/09/2002		2	Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	8.6	8	8.5	0.25	25.35
95	59000362	ĐẶNG PHƯỚC TOÀN	Nam	15/11/2002		1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	8.6	8.25	7.75	0.75	25.35
96	49011854	TRẦN NHẬT HUY	Nam	15/04/2002		2NT	Huyện Cần Đước, Long An	8.8	8.25	7.75	0.5	25.3
97	50008142	NGUYỄN NGỌC HÀ PHƯƠNG	Nữ	29/06/2002		2NT	Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	8.8	7.5	8.5	0.5	25.3
98	55004473	TRƯƠNG THỊ NGHI ĐÌNH	Nữ	14/11/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	8.8	8	8.5	0	25.3
99	57001755	TRẦN TÚ QUYÊN	Nữ	11/10/2002		2	Thành phố Vĩnh Long, Vĩnh Long	8.8	9	7.25	0.25	25.3
100	57003337	NGÔ VI VI	Nữ	02/01/2002		2NT	Huyện Long Hồ, Vĩnh Long	8.8	8	8	0.5	25.3
101	58004375	VÕ THỊ HỒNG KHA	Nữ	04/03/2002		2NT	Huyện Cầu Ngang, Trà Vinh	8.8	8.5	7.5	0.5	25.3
102	58006537	TỪ THẢO VI	Nữ	13/02/2002	01	1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	8.8	6	7.75	2.75	25.3
103	59007860	NGUYỄN THUÝ VI MI	Nữ	22/01/2002		1	Huyện Kế Sách, Sóc Trăng	8.8	7.5	8.25	0.75	25.3
104	49000597	NGUYỄN THỊ THANH THI	Nữ	05/02/2002		2NT	Huyện Vĩnh Hưng, Long An	9	7.5	8.25	0.5	25.25
105	51003347	VÕ HOÀN MỸ	Nữ	06/10/2002		2NT	Huyện Thoại Sơn, An Giang	9	8	7.75	0.5	25.25
106	51009421	KIỀU CÔNG KHANH	Nam	06/11/2002		1	Huyện An Phú, An Giang	9	8.25	7.25	0.75	25.25
107	53014042	PHAN LÊ BẢO NGHI	Nữ	19/01/2002		2NT	Huyện Gò Công Đông, Tiền Giang	8	8.25	8.5	0.5	25.25
108	56009996	NGUYỄN NGỌC YẾN THƯ	Nữ	18/02/2002		2	Thành phố Bến Tre, Bến Tre	8	7.5	9.5	0.25	25.25
109	61001188	TRƯƠNG HOÀNG QUYÊN	Nữ	10/08/2002		1	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	8	9	7.5	0.75	25.25
110	46000876	NGUYỄN VŨ KIỆT	Nam	31/01/2002		2	Thị xã Hòa Thành (từ 01/02/2020), Tây Ninh	8.2	7.75	9	0.25	25.2
111	50002596	CHÂU MINH QUÂN	Nam	25/11/2002		2NT	Huyện Chợ Mới, An Giang	8.2	8	8.5	0.5	25.2
112	54005236	ĐÀO TUYẾT MAI	Nữ	06/10/2002		2NT	Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	9.2	7.75	7.75	0.5	25.2
113	57002774	LÊ THỊ KHÁNH VY	Nữ	22/01/2002		2	Thành phố Vĩnh Long, Vĩnh Long	9.2	8.25	7.5	0.25	25.2
114	57003729	LÊ THỊ MỸ NHUNG	Nữ	31/05/2002		2NT	Huyện Long Hồ, Vĩnh Long	9.2	8.25	7.25	0.5	25.2
115	61001613	NGUYỄN PHA NAM	Nam	21/04/2002		1	Huyện Cái Nước, Cà Mau	8.2	7.75	8.5	0.75	25.2
		Y TẾ CÔNG CỘNG										
1	48020600	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/04/2002		1	Huyện Tân Phú, Đồng Nai	9.4	8	8	0.75	26.15
2	02065016	NGUYỄN PHƯỚC ĐẠT	Nam	01/03/2001		3	Huyện Thoại Sơn, An Giang	9.2	7.75	7.25	0	24.2

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
3	57003414	HUỲNH THÁI HÒA	Nữ	20/11/2002		2NT	Huyện Long Hồ, Vĩnh Long	8	7.75	7.5	0.5	23.75
4	60000811	ĐẶNG CHÚC NGÂN	Nữ	24/05/2002		1	Huyện Hòa Bình, Bạc Liêu	8.4	7.75	6.75	0.75	23.65
5	55006603	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	23/10/1999		3	Quận Ô Môn, Cần Thơ	8.6	7.5	7.25	0	23.35
6	51003208	TRẦN THỊ THÚY AN	Nữ	22/09/2002		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	7.8	7.75	7.25	0.5	23.3
7	55002992	LÝ NGỌC ANH THƯ	Nữ	22/03/2002		2	Huyện Thới Lai, Cần Thơ	8.2	7.5	7.25	0.25	23.2
8	52009893	NGUYỄN TRẦN QUẾ ANH	Nữ	17/06/2002		2NT	Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa	8.4	7	7.25	0.5	23.15
9	55007485	TRẦN NHƯ THẢO UYÊN	Nữ	18/08/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	8.4	7.25	7.5	0	23.15
10	51003191	DƯƠNG THỊ NHƯ Ý	Nữ	19/01/2002		2NT	Huyện Thoại Sơn, An Giang	7.6	8	7	0.5	23.1
11	54010635	LƯU THẢO UYÊN	Nữ	26/04/2001		2NT	Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	8.2	7.5	6.75	0.5	22.95
12	61005955	NGUYỄN ĐÔNG BỀN	Nam	02/01/2002		1	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	8	8.5	5.5	0.75	22.75
13	56010143	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	11/01/2002		2	Thành phố Bến Tre, Bến Tre	8.2	7.5	6.75	0.25	22.7
14	55004792	HUỲNH MINH HOÀNG PHÚC	Nam	12/02/1998		2	Huyện Cần Giuộc, Long An	8	7.5	6.75	0.25	22.5
15	61001707	LÊ NGUYỄN NGUYỄN	Nam	19/11/2002		2	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	8	7	7.25	0.25	22.5
16	59000493	LÊ DƯƠNG ÁI CÚC	Nữ	15/10/2002		1	Huyện Châu Thành, Sóc Trăng	8.2	7.75	5.75	0.75	22.45
17	55009848	NGUYỄN DĨ KHA	Nam	24/10/2002		2	Huyện Phong Điền, Cần Thơ	7.4	8	6.75	0.25	22.4
18	60000502	HUỲNH HOÀNG YẾN	Nữ	08/07/2001		2	Thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu	8.6	6.25	7.25	0.25	22.35
19	55004860	LÂM PHƯƠNG THANH	Nữ	02/05/2001		2NT	Huyện Càng Long, Trà Vinh	7.8	8	6	0.5	22.3
20	55004153	NGUYỄN HOÀNG ANH KHOA	Nam	08/01/2002		2	Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ	8.2	7.5	6.25	0.25	22.2
21	64001935	DƯƠNG THỊ VÂN TUYỀN	Nữ	12/12/2002		1	Huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang	8.2	6.25	7	0.75	22.2
22	48017233	TRẦN HỮU PHÚC	Nam	30/07/2001		2NT	Thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa	7.2	8.5	5.75	0.5	21.95
23	55009518	VŨ THÁI HOÀI NGÂN	Nữ	09/06/1995	06	2	Thị xã Ngã Bảy, Hậu Giang	7.8	6.5	6.25	1.25	21.8
24	58006306	PHẠM HẢI DƯƠNG	Nam	04/02/2002		1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	7	6.75	7.25	0.75	21.75
25	59004423	TRẦN VIỆT TRINH	Nữ	09/03/2002		1	Huyện Kế Sách, Sóc Trăng	7.2	7	6.75	0.75	21.7
26	57000033	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	02/11/2002		2	Thành phố Vĩnh Long, Vĩnh Long	8.4	5.75	7.25	0.25	21.65
27	64001938	TRẦN THỊ BÍCH TUYỀN	Nữ	04/05/2002		1	Thành phố Ngã Bảy, Hậu Giang	7.4	7.75	5.75	0.75	21.65
28	55001242	PHẠM NGUYỄN CHÍ THÀNH	Nam	16/09/2002		3	Quận Thốt Nốt, Cần Thơ	7.6	7.25	6.75	0	21.6
29	51004702	LÊ THỊ TƯỜNG VI	Nữ	17/08/2002		2NT	Huyện Châu Thành, An Giang	7.8	7.5	5.75	0.5	21.55
30	61000773	NGUYỄN THỊ LAM LINH	Nữ	28/05/2002		1	Huyện Thới Bình, Cà Mau	6.2	7.5	7	0.75	21.45
31	55006272	NGUYỄN NGỌC MAI THI	Nữ	28/07/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	7.6	5.75	8	0	21.35
32	59005599	VÕ MINH PHƯƠNG	Nữ	26/02/2001		1	Huyện Long Phú, Sóc Trăng	6.8	7	6.75	0.75	21.3
33	57007386	PHẠM THU NGÂN	Nữ	01/09/2002		2NT	Huyện Bình Tân, Vĩnh Long	6.8	6.25	7.5	0.5	21.05
34	61006877	TÔ NGỌC NHƯ	Nữ	18/05/2002		2NT	Huyện Cái Nước, Cà Mau	6.8	7.25	6.5	0.5	21.05
35	55006942	LÊ UYÊN	Nữ	11/04/2002		3	Huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang	7	7.5	6.5	0	21
36	57002416	PHAN TRỌNG NHÂN	Nam	05/11/2000		2NT	Huyện Mang Thít, Vĩnh Long	6.4	7.25	6.75	0.5	20.9
37	55007312	NGUYỄN KHOA YẾN NHƯ	Nữ	26/02/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	7.6	6.75	6.5	0	20.85
38	50004353	TRẦN THỊ KIM HẠNH	Nữ	16/03/2002		2	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	7.2	7.25	6	0.25	20.7
39	55008827	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	13/10/2002		3	Quận Cái Răng, Cần Thơ	7.4	7.25	6	0	20.65

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	Hộ khẩu thường trú	Toán	Hóa	Sinh	ĐƯT	ĐTT
40	44004705	NGUYỄN THANH VŨ	Nam	09/05/2002		2	Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	6	7.25	7	0.25	20.5
41	02065670	LÊ THỊ CHÚC LY	Nữ	07/02/2001		1	Huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang	6.8	7	5.75	0.75	20.3
42	57001146	HUỲNH TRẦN THẢO NHI	Nữ	06/08/2002		2	Huyện Long Hồ, Vĩnh Long	7	6.25	6.75	0.25	20.25
43	50004182	NGÔ QUỐC VINH	Nam	04/12/1991		2NT	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	6.2	8	5.5	0.5	20.2
44	50004713	NGUYỄN DƯƠNG MINH TÀI	Nam	25/10/2002		2	Thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp	7.4	6.5	6	0.25	20.15
45	55004340	NGUYỄN THỊ BÍCH TUYỀN	Nữ	06/02/2002		3	Quận Ô Môn, Cần Thơ	7.4	6.5	6.25	0	20.15
46	57009777	NGUYỄN KHÁNH NGUYÊN	Nam	22/06/2002		2NT	Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long	7.4	5.75	6.5	0.5	20.15
47	59007427	LẠI THƯ KỲ	Nữ	29/12/2002		1	Huyện Cù Lao Dung, Sóc Trăng	7.2	6.75	5.25	0.75	19.95
48	50002499	HÀ LÊ THẢO NGÂN	Nữ	17/07/2002		2NT	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	7.6	5.25	6.5	0.5	19.85
49	58005763	TRẦN TRÚC PHỤNG	Nữ	16/11/2002		1	Huyện Trà Cú, Trà Vinh	7	6.5	5.5	0.75	19.75
50	64003849	TRẦN NGUYỄN GIANG THANH	Nữ	25/02/2002		2	Thị xã Long Mỹ, Hậu Giang	7	6.5	6	0.25	19.75
51	55004929	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	Nữ	02/05/2002		3	Quận Bình Thủy, Cần Thơ	7.2	7.5	5	0	19.7
52	54003414	THỊ KIM LÝ	Nữ	13/11/2002	01	1	Huyện Gò Quao, Kiên Giang	5.6	5.75	5.5	2.75	19.6
53	54012057	LÊ THỊ YẾN THƯ	Nữ	09/06/2002		1	Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	6.8	6	5.75	0.75	19.3
54	59001614	NGUYỄN CHÍ NGHĨA	Nam	08/12/2002		1	Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	8.2	5	5.25	0.75	19.2
55	55006907	NGUYỄN NGỌC TRÂN	Nữ	12/09/2002		3	Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	6.6	7	5.5	0	19.1
56	55010664	HÀ LAN VY	Nữ	23/08/1997		2	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	7	5.25	6.5	0.25	19

Danh sách có 1150 thí sinh trúng tuyển

**** Ghi chú:***

- KV, ĐT: Khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên

- ĐƯT: tổng điểm ưu tiên (ưu tiên theo khu vực và ưu tiên theo đối tượng)

- ĐTT: điểm xét tuyển